

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI  
SỞ TƯ PHÁP

## THÔNG TIN PHÁP LÝ

*Số chuyên đề:*

# PHÁP LUẬT VỀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA

*Lào Cai, năm 2021*





## LỜI NÓI ĐẦU

Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Thực tiễn cho thấy công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia đã đạt được những thành tựu to lớn. Biên giới được giữ vững, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới được đảm bảo, tạo môi trường và không gian hợp tác, phát triển với các nước láng giềng và bạn bè quốc tế. Những thành tựu đã đạt được có vai trò to lớn của bộ đội biên phòng với tư cách là lực lượng chuyên trách công tác biên phòng.

Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới đã có nhiều diễn biến ngày càng phức tạp. Trong nước, các thế lực thù địch, phản động thường xuyên đẩy mạnh các hoạt động chống phá trên các lĩnh vực; địa bàn biên giới còn nhiều khó khăn; vấn đề an ninh phi truyền thống, tình trạng di cư tự do, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm về ma túy, mua bán người, tội phạm xuyên quốc gia - xuyên biên giới, xuất nhập cảnh trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại ngày càng gia tăng với nhiều thủ đoạn tinh vi, khó kiểm soát;...

Để xác định vai trò, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới cần phải tiến hành tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, khả năng cống hiến sức lực để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định *“Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân... Công dân phải làm đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh do pháp luật quy định”*. Điều 10 Luật Biên giới quốc gia cũng xác định *“Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý”*. Điều 12 Luật Biên giới quốc gia ghi rõ *“Nhà nước có chính sách ưu tiên đặc biệt xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ở khu vực biên giới; xây dựng công trình biên giới và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trong mọi tình huống”*. Để xác định trách nhiệm của địa phương trong xây dựng và bảo vệ biên giới, Điều 31 Luật Biên giới quốc gia nhấn mạnh *“Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của Nhà nước và của toàn dân, trước hết là của chính quyền, nhân dân khu vực biên giới và các lực lượng vũ trang nhân dân”*.

Tỉnh Lào Cai là một tỉnh miền núi nằm ở phía Bắc Việt Nam, có 203,5km đường biên giới với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc. Do đó, việc quản lý, bảo vệ

biên giới cũng là một nhiệm vụ quan trọng đối với tỉnh Lào Cai. Để phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, Sở Tư pháp Lào Cai biên soạn cuốn Thông tin pháp lý số 1/2021 chuyên đề **“Pháp luật về biên giới quốc gia”**. Cuốn tài liệu giới thiệu tới bạn đọc toàn văn Luật Biên giới quốc gia, một số Nghị định và bài viết liên quan đến quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

**BAN BIÊN TẬP**

**LUẬT**

**Biên giới quốc gia**

Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước.

Để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về biên giới quốc gia; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này quy định về biên giới quốc gia.

**Chương 1**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1**

Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 2**

Luật này quy định về biên giới quốc gia; chế độ pháp lý về biên giới quốc gia; xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới.

Chế độ pháp lý, quy chế quản lý và bảo vệ vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do pháp luật Việt Nam quy định phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

**Điều 3**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có

liên quan; trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

#### **Điều 4**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường cơ sở là đường gãy khúc nối liền các điểm được lựa chọn tại gần nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển và các đảo gần bờ do Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác định và công bố.

2. Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền phía ngoài lãnh hải có chiều rộng mười hai hải lý.

3. Vùng đặc quyền về kinh tế là vùng biển tiếp liền phía ngoài lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng hai trăm hải lý tính từ đường cơ sở, trừ trường hợp điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan có quy định khác.

4. Thềm lục địa là đáy biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa mà Việt Nam là quốc gia ven bờ có quyền chủ quyền, quyền tài phán được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, trừ trường hợp điều ước quốc tế giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan có quy định khác.

5. Mốc quốc giới là dấu hiệu bằng vật thể dùng để đánh dấu đường biên giới quốc gia trên đất liền.

6. Công trình biên giới là công trình được xây dựng để cố định đường biên giới quốc gia, công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

7. Cửa khẩu là nơi thực hiện việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu và qua lại biên giới quốc gia bao gồm cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu đường sắt, cửa khẩu đường thủy nội địa, cửa khẩu đường hàng hải và cửa khẩu đường hàng không.

8. Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.

9. Đi qua không gây hại trong lãnh hải là việc tàu thuyền nước ngoài đi trong lãnh hải Việt Nam nhưng không làm phương hại đến hoà bình, an ninh, trật tự, môi trường sinh thái của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

10. Tàu bay là phương tiện hoạt động trên không bao gồm máy bay, tàu lượn, khí cầu và những phương tiện bay khác.

#### **Điều 5**

1. Biên giới quốc gia được xác định bằng điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc do pháp luật Việt Nam quy định.

2. Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới.

3. Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Các đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

4. Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất.

Ranh giới trong lòng đất thuộc vùng biển là mặt thẳng đứng từ các đường ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa xuống lòng đất xác định quyền chủ quyền, quyền tài phán của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

5. Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời.

## **Điều 6**

Khu vực biên giới bao gồm:

1. Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền;

2. Khu vực biên giới trên biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo;

3. Khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới quốc gia trở vào.

## **Điều 7**

Nội thuỷ của Việt Nam bao gồm:

1. Các vùng nước phía trong đường cơ sở;

2. Vùng nước cảng được giới hạn bởi đường nối các điểm nhô ra ngoài khơi xa nhất của các công trình thiết bị thường xuyên là bộ phận hữu cơ của hệ thống cảng.

## **Điều 8**

Vùng nước lịch sử là vùng nước do những điều kiện địa lý đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với kinh tế, quốc phòng, an ninh của Việt Nam hoặc của Việt Nam và

các quốc gia cùng có quá trình quản lý, khai thác, sử dụng lâu đời được Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan thỏa thuận sử dụng theo một quy chế đặc biệt bằng việc ký kết điều ước quốc tế.

### **Điều 9**

Lãnh hải của Việt Nam rộng mười hai hải lý tính từ đường cơ sở ra phía ngoài. Lãnh hải của Việt Nam bao gồm lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo.

### **Điều 10**

Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước và nhân dân thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

### **Điều 11**

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng; giải quyết các vấn đề về biên giới quốc gia thông qua đàm phán trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của nhau.

### **Điều 12**

Nhà nước có chính sách ưu tiên đặc biệt xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về mọi mặt; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân khu vực biên giới; xây dựng công trình biên giới và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trong mọi tình huống.

### **Điều 13**

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, động viên nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về biên giới quốc gia; giám sát việc thực hiện pháp luật về biên giới quốc gia của tổ chức, cá nhân.

### **Điều 14**

Các hành vi bị nghiêm cấm:

1. Xê dịch, phá hoại mốc quốc giới; làm sai lệch, chệch hướng đi của đường biên giới quốc gia; làm đổi dòng chảy tự nhiên của sông, suối biên giới; gây hư hại mốc quốc giới;
2. Phá hoại an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; xâm canh, xâm cư ở khu vực biên giới; phá hoại công trình biên giới;
3. Làm cạn kiệt nguồn nước, gây ngập úng, gây ô nhiễm môi trường, xâm phạm tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia;



4. Qua lại trái phép biên giới quốc gia; buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ, vũ khí, ma tuý, chất nguy hiểm về cháy, nổ qua biên giới quốc gia; vận chuyển qua biên giới quốc gia văn hoá phẩm độc hại và các loại hàng hoá khác mà Nhà nước cấm nhập khẩu, xuất khẩu;

5. Bay vào khu vực cấm bay; bắn, phóng, thả, đưa qua biên giới quốc gia trên không phương tiện bay, vật thể, các chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh, kinh tế, sức khoẻ của nhân dân, môi trường, an toàn hàng không và trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới;

6. Các hành vi khác vi phạm pháp luật về biên giới quốc gia.

## **Chương 2**

### **CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA, KHU VỰC BIÊN GIỚI**

#### **Điều 15**

1. Việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới quốc gia được thực hiện tại cửa khẩu; việc quá cảnh qua biên giới vào lãnh thổ đất liền, vùng biển, vùng trời phải tuân thủ quy định đi theo các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa, đường hàng hải, đường hàng không; việc qua lại biên giới của nhân dân trong khu vực biên giới được thực hiện tại cửa khẩu hoặc nơi mở ra cho qua lại biên giới.

2. Người, phương tiện, hàng hoá qua lại biên giới quốc gia phải có đầy đủ giấy tờ hợp pháp và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 16**

1. Việc mở cửa khẩu và nơi mở ra cho qua lại biên giới, nâng cấp cửa khẩu, đóng cửa khẩu, xác định các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa, đường hàng hải, đường hàng không dùng cho việc quá cảnh do Chính phủ quyết định theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Việc ra, vào cửa khẩu, tạm trú và các hoạt động khác ở khu vực cửa khẩu phải tuân theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 17**

1. Khu vực kiểm soát được thiết lập tại cửa khẩu để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát, làm các thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định cơ quan chủ trì phối hợp để quản lý và giữ gìn an ninh, trật tự tại khu vực cửa khẩu.

## **Điều 18**

Tàu thuyền nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập; tàu ngầm và các phương tiện đi ngầm khác phải đi nổi và treo cờ quốc tịch.

## **Điều 19**

1. Tàu thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân, tàu thuyền chuyên chở chất phóng xạ, chất nguy hiểm độc hại khác khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam phải mang đầy đủ các tài liệu và áp dụng các biện pháp phòng ngừa đặc biệt theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

2. Tàu thuyền quy định tại khoản 1 Điều này khi tiến hành các hoạt động khác trong lãnh hải Việt Nam phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép và phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa đặc biệt theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

## **Điều 20**

Tàu bay chỉ được bay qua biên giới quốc gia và vùng trời Việt Nam sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép, phải tuân thủ sự điều hành, kiểm soát và hướng dẫn của cơ quan quản lý bay Việt Nam, tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

## **Điều 21<sup>1</sup>**

1. Trong trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, lý do đặc biệt khác hoặc theo đề nghị của nước hữu quan, người, phương tiện, hàng hoá có thể bị hạn chế hoặc tạm ngừng qua lại biên giới quốc gia, kể cả việc đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam.

2. Thẩm quyền quyết định việc hạn chế, tạm ngừng quy định tại khoản 1 Điều này do Chính phủ quy định. Quyết định về việc hạn chế, tạm ngừng phải được thông báo cho chính quyền địa phương và nhà chức trách của nước hữu quan biết.

---

*1. Điều này được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Luật Biên phòng năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022, cụ thể như sau:*

*“Điều 21*

*1. Trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, lý do đặc biệt khác hoặc theo đề nghị, thông báo của nước hữu quan, người, phương tiện, hàng hoá có thể bị hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biên giới quốc gia, kể cả việc đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam.*

*2. Việc hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền thực hiện theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam.*

*3. Thẩm quyền quyết định việc hạn chế hoặc tạm dừng quy định tại khoản 1 Điều này do Chính phủ quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Quyết định về việc hạn chế hoặc tạm dừng phải được thông báo cho chính quyền địa phương và nhà chức trách của nước hữu quan biết.”*

## **Điều 22**

Trong trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hoặc vì lý do khách quan khác buộc phải qua biên giới quốc gia mà không thể tuân theo các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam thì người điều khiển phương tiện phải thông báo ngay với cảng vụ, cơ quan cứu hộ và cứu nạn quốc gia, cơ quan quản lý bay hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Việt Nam nơi gần nhất và thực hiện theo sự hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

## **Điều 23**

Dự án xây dựng ở khu vực biên giới có liên quan đến biên giới quốc gia phải tuân thủ quy hoạch và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; khi thực hiện phải tuân theo quy chế khu vực biên giới, các quy định khác của pháp luật và không được cản trở việc quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

## **Điều 24**

1. Mọi hoạt động có liên quan đến biên giới quốc gia tại khu du lịch, dịch vụ, thương mại, khu kinh tế cửa khẩu và các khu kinh tế khác trong khu vực biên giới phải tuân theo quy chế khu vực biên giới.

2. Quy chế khu vực biên giới do Chính phủ quy định.

### **Chương 3:**

## **XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA, KHU VỰC BIÊN GIỚI**

## **Điều 25**

Nhà nước có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; có chính sách ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân định cư ở khu vực biên giới.

## **Điều 26**

Hàng năm, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình lập kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, điều chỉnh dân cư khu vực biên giới, công trình biên giới trình Chính phủ quyết định.

## **Điều 27**

Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng công trình biên giới, mốc quốc giới để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

## **Điều 28**

1. Nhà nước xây dựng nền biên phòng toàn dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Ngày 03 tháng 3 hàng năm là “Ngày biên phòng toàn dân”.

## **Điều 29**

1. Biên giới quốc gia, hệ thống mốc quốc giới, công trình biên giới phải được giữ gìn, quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt.

2. Người phát hiện mốc quốc giới bị hư hại, bị mất, bị sai lệch vị trí làm chệch hướng đi của đường biên giới quốc gia hoặc công trình biên giới bị hư hại phải báo ngay cho Bộ đội biên phòng hoặc chính quyền địa phương, cơ quan nơi gần nhất.

## **Điều 30**

1. Việc khôi phục, sửa chữa mốc quốc giới phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết.

2. Việc giải quyết vụ việc xảy ra liên quan đến biên giới quốc gia phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

## **Điều 31**

1. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới là nhiệm vụ của Nhà nước và của toàn dân, trước hết là của chính quyền, nhân dân khu vực biên giới và các lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Bộ đội biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, phối hợp với lực lượng Công an nhân dân, các ngành hữu quan và chính quyền địa phương trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

Nhà nước xây dựng Bộ đội biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững mạnh về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

## **Điều 32**

Các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới quốc gia được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật, phương tiện chuyên dùng theo quy định của pháp luật.

## **Điều 33**

1. Nhà nước có chính sách, chế độ ưu đãi đối với người trực tiếp và người được huy động làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Người được cơ quan có thẩm quyền huy động tham gia bảo vệ biên giới quốc gia mà hy sinh, bị thương, bị tổn hại về sức khỏe thì được hưởng chính sách, chế độ như đối với dân quân, tự vệ tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

3. Tổ chức, cá nhân có phương tiện, tài sản được cơ quan có thẩm quyền huy động trong trường hợp cấp thiết để tham gia bảo vệ biên giới quốc gia bị thiệt hại thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

### **Điều 34**

1. Hàng năm, Nhà nước dành ngân sách thích đáng bảo đảm cho hoạt động xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Nguồn tài chính bảo đảm cho việc xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước cấp;
- b) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định cụ thể chế độ quản lý, sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

## **Chương 4 QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

### **Điều 35**

Nội dung quản lý nhà nước về biên giới quốc gia bao gồm:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách về biên giới quốc gia;
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về biên giới quốc gia, chính sách, chế độ về xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;
3. Đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế về biên giới quốc gia;
4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên giới quốc gia;
5. Quyết định xây dựng công trình biên giới, công trình kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới;
6. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ việc xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;
7. Xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;
8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về biên giới quốc gia;
9. Hợp tác quốc tế trong việc xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

### **Điều 36**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về biên giới quốc gia; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi trách nhiệm phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban

nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có biên giới quốc gia thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia.

### **Điều 37**

Ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia theo quy định của Chính phủ.

## **Chương 5 KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 38**

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 39**

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về biên giới quốc gia thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Chương 6 ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 40**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

### **Điều 41**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003.

**Nguyễn Văn An**  
(Đã ký)

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

**Chương 1**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia về xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới; bảo đảm ngân sách cho xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới, khu vực biên giới và trách nhiệm quản lý nhà nước về biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng chấp hành pháp luật về biên giới**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài sinh sống, hoạt động có liên quan đến biên giới quốc gia và khu vực biên giới có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Biên giới quốc gia, Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam; trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

**Điều 3. Biên giới quốc gia**

1. Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Đường quy định ở khoản 1 Điều này gồm biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển.

3. Mặt thẳng đứng quy định ở khoản 1 Điều này gồm mặt thẳng đứng theo biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất và lên vùng trời.

**Điều 4. Biên giới quốc gia trên đất liền**

Biên giới quốc gia trên đất liền giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước láng giềng được xác định bằng hệ thống mốc quốc giới, Hiệp ước về

hoạch định biên giới giữa Việt Nam với các nước láng giềng cùng các bản đồ, Nghị định thư kèm theo các Hiệp ước đó.

#### **Điều 5. Biên giới quốc gia trên biển**

1. Biên giới quốc gia trên biển là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của các quần đảo Việt Nam.

Ở những nơi lãnh hải, nội thủy hoặc vùng nước lịch sử của Việt Nam tiếp giáp với lãnh hải, nội thủy hoặc vùng nước lịch sử của nước láng giềng, biên giới quốc gia trên biển được xác định theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết với các nước láng giềng đó.

2. Biên giới quốc gia trên biển được xác định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

#### **Điều 6. Lãnh hải**

1. Lãnh hải Việt Nam là vùng biển rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía ngoài; trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký với các nước láng giềng có quy định khác thì áp dụng Điều ước quốc tế đó. Lãnh hải Việt Nam gồm:

a) Lãnh hải của đất liền;

b) Lãnh hải của các đảo, lãnh hải của các quần đảo Việt Nam.

2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải của mình cũng như đối với vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải.

3. Tàu thuyền nước ngoài đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, không được làm phương hại đến hoà bình, an ninh, trật tự, môi trường sinh thái của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

**Điều 7. Đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa**

1. Đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải là đường mà mỗi điểm cách đều điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải là 24 hải lý.

2. Đường ranh giới phía ngoài vùng đặc quyền về kinh tế là đường mà mỗi điểm cách đều điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải là 200 hải lý.

3. Đường ranh giới phía ngoài thềm lục địa là bờ ngoài của rìa lục địa. Nơi nào bờ ngoài của rìa lục địa cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải chưa đến 200 hải lý thì ranh giới phía ngoài của thềm lục địa nơi đó mở rộng ra 200 hải lý.

4. Ở những nơi vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa Việt Nam có liên quan với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa của nước láng giềng, đường ranh giới phía ngoài của các vùng đó được xác định theo Điều ước quốc tế ký kết giữa Việt Nam và nước láng giềng đó.



5. Đường ranh giới phía ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa được xác định, đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

#### **Điều 8. Khu vực biên giới**

1. Phạm vi khu vực biên giới trên đất liền tính từ biên giới quốc gia trên đất liền vào hết địa giới hành chính của xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền.

2. Phạm vi khu vực biên giới trên biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính của xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo.

3. Danh sách các xã, phường, thị trấn ở khu vực biên giới trên đất liền, khu vực biên giới trên biển được quy định tại các Nghị định của Chính phủ ban hành Quy chế khu vực biên giới; trường hợp có sự thay đổi về địa giới hành chính của các xã, phường, thị trấn ở khu vực biên giới thì sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Mọi hoạt động của người, phương tiện; việc quản lý, bảo vệ, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới thực hiện theo Nghị định về quy chế khu vực biên giới và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### **Chương 2**

## **XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA VÀ KHU VỰC BIÊN GIỚI**

#### **Điều 9. Xây dựng công trình biên giới**

1. Công trình biên giới được ưu tiên đầu tư xây dựng theo kế hoạch, bao gồm công trình để cố định đường biên giới và công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Công trình để cố định đường biên giới quốc gia do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch trình Chính phủ quyết định.

3. Công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia do Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch trình Chính phủ quyết định.

#### **Điều 10. Mốc quốc giới**

1. Mốc quốc giới được cắm theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế về biên giới đã được ký kết với nước láng giềng để đánh dấu đường biên giới quốc gia trên thực địa và được giữ gìn, bảo vệ giữ đúng vị trí, hình dáng, kích thước, ký hiệu, chữ và màu sắc đã được quy định.

2. Khi phát hiện hoặc nhận được tin báo mốc quốc giới bị hư hại, bị mất, bị sai lệch vị trí, đơn vị biên phòng gần nhất phải tiến hành các thủ tục cần thiết để có biện pháp kịp thời xử lý đồng thời thông báo ngay cho cơ quan, đơn vị bảo vệ biên giới nước láng giềng để giải quyết theo thẩm quyền do Hiệp định về biên giới đã ký kết quy định.

3. Việc cấm lại, khôi phục, sửa chữa, bảo dưỡng mốc quốc giới thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế đã ký kết với nước láng giềng.

**Điều 11.** Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới

1. Việc đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới được thực hiện theo chủ trương, chiến lược và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng giai đoạn để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh.

2. Hàng năm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới quốc gia trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình lập kế hoạch đầu tư xây dựng thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới trình Chính phủ.

**Điều 12.** Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực biên giới

1. Hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực biên giới phải thường xuyên được củng cố, xây dựng vững mạnh theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; bảo đảm thực hiện tốt các chức năng lãnh đạo, quản lý, xây dựng khu vực biên giới và quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Đội ngũ cán bộ cơ sở ở khu vực biên giới được tuyển chọn, bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là dân tộc ít người và cán bộ ở miền xuôi lên công tác lâu dài ở khu vực biên giới.

3. Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất kế hoạch xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở từng khu vực biên giới trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 13.** Bố trí dân cư ở khu vực biên giới

1. Bố trí dân cư ở khu vực biên giới được quy hoạch phù hợp với quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, tính chất và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, từng địa phương; huy động, sử dụng lao động hợp lý để tạo ra của cải vật chất, hàng hoá phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu và đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

2. Nhà nước có chính sách phù hợp để nhân dân định cư ổn định ở khu vực biên giới; khuyến khích những cán bộ công tác lâu dài, người tình nguyện đến định cư ở khu vực biên giới, đặc biệt là nơi khó khăn.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới quốc gia nghiên cứu xây dựng quy hoạch, bố trí dân cư ở khu vực biên giới trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

#### **Điều 14.** Ngày Biên phòng toàn dân

1. Ngày 03 tháng 3 là Ngày Biên phòng toàn dân được tổ chức thực hiện hàng năm trong phạm vi cả nước. Nội dung hoạt động gồm:

a) Giáo dục ý thức pháp luật về biên giới quốc gia, tôn trọng biên giới, chủ quyền lãnh thổ, tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, nhân viên cơ quan, tổ chức, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và của toàn dân; đặc biệt là cán bộ, nhân viên cơ quan, tổ chức, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, chính quyền và nhân dân khu vực biên giới trong xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

b) Huy động các ngành, các địa phương hướng về biên giới, tích cực tham gia xây dựng tiềm lực về mọi mặt ở khu vực biên giới, tạo ra sức mạnh của toàn dân, giúp đỡ Bộ đội biên phòng và các đơn vị khác thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, các cơ quan chức năng ở khu vực biên giới trong xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

c) Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng, phối hợp hai bên biên giới trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và phòng, chống tội phạm.

2. Người đứng đầu các cấp, các ngành, các địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Ngày Biên phòng toàn dân theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

3. Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có trách nhiệm tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện Ngày Biên phòng toàn dân.

#### **Điều 15.** Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân

1. Nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân được xây dựng vững mạnh trên cơ sở xây dựng hệ thống chính trị; xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới; tạo thế trận phòng thủ bảo vệ Tổ quốc, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

2. Nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân được kết hợp xây dựng trong nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân.

3. Người đứng đầu các cấp, các ngành, các địa phương có trách nhiệm tổ chức xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

4. Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có trách nhiệm tham mưu cho Bộ Quốc phòng, hướng dẫn các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện.

**Điều 16.** Xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia

1. Bộ đội biên phòng được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững mạnh về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững pháp luật và công tác đối ngoại nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trong mọi tình huống.

2. Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và hoạt động của Bộ đội biên phòng. Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng trực tiếp quản lý, chỉ huy, xây dựng Bộ đội biên phòng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 17.** Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới

1. Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới nhằm bảo đảm sự bất khả xâm phạm biên giới quốc gia, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng.

2. Biên giới quốc gia, mốc quốc giới, khu vực biên giới được quản lý, bảo vệ theo quy định của Luật Biên giới quốc gia, Nghị định này, các nghị định về quy chế khu vực biên giới, quy chế cửa khẩu, Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật khác và Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

#### **Điều 18.** Giải quyết các vấn đề về biên giới

1. Việc giải quyết vấn đề về biên giới, lãnh thổ liên quan đến nước láng giềng thông qua đàm phán theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chính phủ.

2. Nghiêm cấm việc tự ý thoả thuận sửa đổi đường biên giới quốc gia hoặc làm thay đổi đường biên giới quốc gia.

#### **Điều 19.** Trách nhiệm quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới

1. Quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là trách nhiệm của Nhà nước, của các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang, chính quyền các cấp và của toàn dân, trực tiếp và thường xuyên là chính quyền, nhân dân khu vực biên giới.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ, trách nhiệm tôn trọng đường biên giới quốc gia, nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện pháp luật về biên giới quốc gia; tích cực tham gia bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; phối hợp, giúp đỡ Bộ đội biên phòng đấu tranh phòng ngừa và chống các hành vi xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

3. Trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ biên giới quốc gia, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Biên giới quốc gia và các quy định của pháp luật về biên giới quốc gia.

4. Bộ đội biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an nhân dân, các ngành hữu quan, các địa phương trong hoạt động

quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

5. Bộ đội hải quân, lực lượng Cảnh sát biển chịu trách nhiệm phối hợp với Bộ đội biên phòng quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển.

6. Bộ đội phòng không - không quân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên không và phối hợp với Bộ đội biên phòng bảo vệ biên giới quốc gia trên biển.

7. Các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân làm nhiệm vụ ở khu vực biên giới có trách nhiệm phối hợp với Bộ đội biên phòng, Bộ đội phòng không - không quân bảo vệ biên giới quốc gia. Bộ Quốc phòng quy định phạm vi trách nhiệm cụ thể và quy chế phối hợp giữa các lực lượng thuộc quyền trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

#### **Điều 20.** Cửa khẩu và hoạt động tại cửa khẩu

1. Việc mở cửa khẩu và nơi mở ra cho qua lại biên giới, nâng cấp cửa khẩu, đóng cửa khẩu; xác định, công bố các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng hải, đường hàng không cho việc quá cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế đã được ký kết với nước láng giềng.

2. Hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và qua lại biên giới quốc gia của cư dân trong khu vực biên giới tại cửa khẩu thực hiện theo quy chế cửa khẩu do Chính phủ quy định và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 21.** Kiểm soát và bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu

1. Tại các cửa khẩu biên giới đường bộ, cửa khẩu đường sắt, cửa khẩu đường thủy nội địa, cửa khẩu đường hàng hải (cảng biển), cửa khẩu đường hàng không, các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và qua lại biên giới theo quy định của pháp luật.

a) Tại cửa khẩu biên giới đường bộ, cửa khẩu đường sắt, cửa khẩu đường thủy nội địa trong khu vực biên giới, cửa khẩu đường hàng hải (cảng biển), Bộ đội biên phòng chủ trì phối hợp với các lực lượng liên quan để quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cửa khẩu.

b) Tại cửa khẩu đường hàng không, cơ quan an ninh của Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cửa khẩu.

2. Các cơ quan chức năng quản lý nhà nước tại cửa khẩu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

**Điều 22.** Chế độ, chính sách bảo đảm xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới

1. Chế độ, chính sách bảo đảm xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới bao gồm:

a) Chế độ, chính sách đối với người trực tiếp, người tham gia xây dựng, quản lý bảo vệ biên giới quốc gia;

- b) Chế độ, chính sách xã hội đối với đồng bào dân tộc ở khu vực biên giới;
- c) Chế độ, chính sách ưu tiên đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới;
- d) Chế độ, chính sách đảm bảo cho quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới.

2. Các Bộ, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm bổ sung hoàn thiện chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 Điều này trình cấp có thẩm quyền quyết định.

**Điều 23.** Nguồn tài chính bảo đảm cho việc xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới

1. Nguồn tài chính bảo đảm cho xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới, khu vực biên giới bao gồm ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho việc xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới và khu vực biên giới bao gồm:

- a) Xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội ở khu vực biên giới;
- b) Xây dựng công trình biên giới;
- c) Hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới;
- d) Thực hiện chế độ, chính sách đối với người trực tiếp và người tham gia xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới.

**Điều 24.** Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách về xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới

1. Ngân sách trung ương bảo đảm cho các nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới do các cơ quan, đơn vị Trung ương thực hiện.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm cho các nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới do các địa phương thực hiện.

**Điều 25.** Lập dự toán và quyết toán ngân sách xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới

Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán chi ngân sách cho xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

### **Chương 3**

## **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

**Điều 26.** Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia;

2. Phối hợp với Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ đàm phán giải quyết các vấn đề về biên giới lãnh thổ;

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách về biên giới;

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới;

5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về biên giới, chính sách đối với lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới trình cấp có thẩm quyền quyết định và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện;

6. Xây dựng Bộ đội biên phòng vững mạnh, đảm bảo chỉ huy tập trung, thống nhất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, quân sự, pháp luật, đối ngoại để thực hiện vai trò nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới;

7. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; đề xuất Chính phủ chỉ đạo xây dựng các công trình để cố định biên giới quốc gia, công trình phục vụ hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; đầu tư kinh phí, trang bị phương tiện kỹ thuật cho các lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;

8. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới và thực hiện chế độ báo cáo Chính phủ và thông báo cho các Bộ, ngành liên quan;

9. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên giới quốc gia; tổ chức kiểm tra, thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;

10. Hợp tác quốc tế về công tác biên phòng và tiến hành công tác đối ngoại biên phòng để phối hợp quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng.

### **Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành đề xuất chủ trương, chính sách về biên giới lãnh thổ và quản lý nhà nước về biên giới quốc gia;

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành liên quan giúp Chính phủ xác định biên giới quốc gia, phạm vi chủ quyền, quyền chủ quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên đất liền, trên biển, trên không, các hải đảo, thềm lục địa và tổ chức đàm phán về xác định biên giới, phân giới cắm mốc và xử lý những vấn đề liên quan với các nước láng giềng;

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới quốc gia thực hiện chức năng quản lý nhà nước về biên giới quốc gia;

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoặc hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh trong hoạt động của các ngành, các địa phương liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên đất liền, trên biển, trên không, các hải đảo và thềm lục địa;

5. Phối hợp với Bộ Quốc phòng đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn Bộ đội biên phòng về pháp luật, Điều ước quốc tế về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, nghiệp vụ đối ngoại và giải quyết vụ việc liên quan đến biên giới và người nước ngoài.

#### **Điều 28.** Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn Bộ đội biên phòng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở khu vực biên giới;

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan xây dựng quy chế phối hợp giữa các lực lượng để thực hiện nhiệm vụ quản lý, kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh theo quy định của pháp luật;

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho lực lượng chuyên trách quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trong việc trao đổi tình hình; thống nhất chủ trương chỉ đạo đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới;

5. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh quốc gia, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện hợp tác an ninh biên giới.

#### **Điều 29.** Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an trong công tác quản lý nhà nước về biên giới quốc gia theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 30.** Trách nhiệm của Bộ đội biên phòng

1. Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có trách nhiệm làm tham mưu cho Bộ Quốc phòng về công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới và xây dựng lực lượng Bộ đội biên phòng;

2. Những vấn đề liên quan đến xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới và giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng được chủ động báo cáo, quan hệ trực tiếp với các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước, các Bộ, các ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lực lượng bảo vệ biên giới, chính quyền nước tiếp giáp để trao đổi giải quyết đồng thời báo cáo Bộ Quốc phòng;



3. Bộ đội biên phòng hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có liên quan đến biên giới quốc gia, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới và tại các cửa khẩu;

4. Bộ đội biên phòng được bố trí lực lượng, phương tiện phù hợp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới và tại các cửa khẩu; kiểm tra, kiểm soát qua lại biên giới, ra vào khu vực biên giới, vành đai biên giới; kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu (trừ cửa khẩu hàng không do Bộ Công an quản lý); đấu tranh phòng chống tội phạm, chống buôn lậu, gian lận thương mại và thực hiện công tác đối ngoại biên phòng, sẵn sàng chiến đấu chống xung đột vũ trang và chiến tranh xâm lược theo quy định của pháp luật;

5. Chủ trì, phối hợp với các lực lượng vũ trang, các ngành liên quan làm tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo tổ chức xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân.

**Điều 31.** Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia

1. Thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia tại địa phương mình theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành có liên quan;

2. Xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về chính trị, kinh tế văn hoá - xã hội, quốc phòng, an ninh; xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh trong thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân tại địa phương;

3. Xây dựng quy hoạch, bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng, sắp xếp lại sản xuất ở khu vực biên giới; kết hợp phát triển kinh tế văn hoá - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới;

4. Chỉ đạo các lực lượng, các ban, ngành và phát động phong trào quần chúng nhân dân ở địa phương phối hợp với Bộ đội biên phòng để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống tội phạm trong khu vực biên giới theo quy định của pháp luật;

5. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan:

a) Xây dựng và thực hiện các dự án phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội đối với từng tiểu vùng, tạo sự thay đổi bộ mặt kinh tế, xã hội ở khu vực biên giới;

b) Động viên các doanh nghiệp hoạt động ở khu vực biên giới hỗ trợ việc xây dựng các cơ sở hạ tầng, phát triển giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội;

c) Vận động, khuyến khích các tổ chức, địa phương cả nước kết nghĩa, liên doanh và hỗ trợ các địa phương ở khu vực biên giới.

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên giới quốc gia;

7. Thực hiện quan hệ đối ngoại với chính quyền địa phương nước láng giềng theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế về biên giới.

**Điều 32.** Trách nhiệm của công dân

Mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng khu vực biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới. Nếu phát hiện các hành vi xâm phạm biên giới, phá hoại an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới phải báo cho đồn biên phòng hoặc chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước nơi gần nhất để thông báo kịp thời cho Bộ đội biên phòng xử lý theo quy định của pháp luật.

**Chương 4**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 33.** Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo<sup>2</sup>.

**Điều 34.** Hướng dẫn thi hành

Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

**Điều 35.** Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Phan Văn Khải**

(Đã ký)

---

*2. Nghị định số 140/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 23/7/2004*

Số: 112/2014/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2014*

**NGHỊ ĐỊNH**  
**Quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định:

1. Hoạt động kiểm tra, kiểm soát, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền.

2. Hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh đối với người; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập đối với phương tiện (sau đây gọi tắt là xuất cảnh, nhập cảnh); xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh, chuyển khẩu đối với hàng hóa, vật phẩm (sau đây gọi tắt là xuất khẩu, nhập khẩu) qua cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền (sau đây gọi chung là xuất, nhập qua cửa khẩu).

3. Khu vực cửa khẩu; ra, vào, lưu trú, tạm trú, hoạt động trong khu vực cửa khẩu; điều kiện, thẩm quyền, thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền.

4. Mở, nâng cấp, quy hoạch, xây dựng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền.

5. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài xuất, nhập qua cửa khẩu; ra, vào, lưu trú, hoạt động trong khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền.

2. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đối với các hoạt động xuất, nhập qua cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mở, nâng cấp, hạn chế, tạm dừng các hoạt động qua lại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền và quy hoạch, xây dựng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền.

### **Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quốc môn là công quốc gia, được xây dựng tại cửa khẩu, mang đặc trưng văn hóa Việt Nam, thể hiện độc lập dân tộc và là biểu tượng tình hữu nghị, đoàn kết với nước láng giềng.

2. Cửa khẩu biên giới đất liền (sau đây gọi tắt là cửa khẩu biên giới) là nơi thực hiện việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu và qua lại biên giới quốc gia trên đất liền, bao gồm cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu đường sắt và cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa.

3. Cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa là cửa khẩu biên giới đất liền được mở trên các tuyến đường thủy đi qua đường biên giới quốc gia trên đất liền.

4. Khu vực cửa khẩu biên giới đất liền (sau đây gọi tắt là khu vực cửa khẩu) là khu vực được xác định, có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới quốc gia trên đất liền, trong đó bao gồm các khu chức năng để đảm bảo cho các hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động dịch vụ, thương mại tại cửa khẩu.

5. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu là các cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ làm thủ tục, kiểm tra, kiểm soát, giám sát đối với người, phương tiện, hàng hóa, vật phẩm xuất, nhập qua cửa khẩu; bao gồm: Biên phòng; Hải quan; Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật).

6. Nước láng giềng là nước có chung đường biên giới trên đất liền với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm các nước: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia.

7. Cư dân biên giới hai bên là công dân Việt Nam và công dân nước láng giềng có hộ khẩu thường trú tại xã, phường, thị trấn (hoặc khu vực địa giới hành chính tương đương) có một phần địa giới hành chính trùng hợp với đường biên giới quốc gia trên đất liền.

8. Hàng hóa của cư dân biên giới là hàng hóa được sản xuất ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc nước láng giềng do cư dân biên giới mua, bán, trao đổi ở khu vực biên giới hai bên để phục vụ các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của cư dân biên giới.

9. Vật phẩm là các sản phẩm vật chất được xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới không mang mục đích thương mại, bao gồm:

a) Vật phẩm y tế là thi thể, hài cốt, tro cốt, sản phẩm sinh học, mẫu vi sinh y học, mô, bộ phận cơ thể;

b) Vật phẩm văn hóa, nghệ thuật, vật chứa đựng nội dung văn hóa, nghệ thuật;

c) Vật phẩm là kim khí, đá quý, đồ trang sức;

d) Vật phẩm là mẫu vật khoáng sản, động vật, thực vật phục vụ hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, triển lãm;

đ) Vật phẩm thuộc hành lý, vật dụng cá nhân của hành khách xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới;

e) Các sản phẩm vật chất khác là vật phẩm theo quy định của văn bản pháp luật có liên quan.

10. Thủ tục qua lại biên giới là thủ tục hành chính do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu thực hiện đối với người, phương tiện, hàng hóa, vật phẩm xuất, nhập qua biên giới, bao gồm: Thủ tục biên phòng, thủ tục hải quan, thủ tục kiểm dịch và các thủ tục liên quan khác theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

#### **Điều 4. Các loại cửa khẩu biên giới đất liền**

Căn cứ vào phạm vi đối tượng xuất, nhập; cửa khẩu biên giới đất liền được chia thành cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương), cửa khẩu phụ và lối mở biên giới (sau đây gọi chung là cửa khẩu biên giới).

1. Cửa khẩu quốc tế được mở cho người, phương tiện của Việt Nam và nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) được mở cho người, phương tiện Việt Nam và nước láng giềng có chung cửa khẩu xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Cửa khẩu phụ được mở cho người, phương tiện Việt Nam và nước láng giềng thuộc tỉnh biên giới hai bên xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Lối mở biên giới (đường qua lại chợ biên giới, cặp chợ biên giới; điểm thông quan hàng hóa biên giới; đường qua lại tạm thời) được mở cho cư dân biên giới hai bên, phương tiện, hàng hóa của cư dân biên giới hai bên qua lại và các trường hợp khác nhằm thực hiện chính, sách thương mại biên giới theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; hoặc được mở trong trường hợp bất khả kháng hay yêu cầu đặc biệt của hai bên biên giới.

#### **Điều 5. Nguyên tắc xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới**

1. Người, phương tiện, hàng hóa, vật phẩm xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ, thực hiện các nguyên tắc, thủ tục theo quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; chịu sự quản lý, kiểm tra, kiểm soát, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.

2. Người, phương tiện, hàng hóa không thuộc cư dân biên giới hai bên xuất, nhập qua lối mở biên giới thực hiện chính sách thương mại biên giới theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hoạt động xuất, nhập qua biên giới đối với người, phương tiện, hàng hóa, vật phẩm của Việt Nam và nước ngoài chỉ được thực hiện tại các cửa khẩu, lối mở biên giới theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

### **Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu biên giới**

1. Bộ đội Biên phòng cửa khẩu:

a) Tham mưu cho Bộ Quốc phòng thực hiện nội dung quản lý nhà nước đối với cửa khẩu biên giới thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu thực hiện thủ tục biên phòng và công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của người, phương tiện; hoạt động quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; thực hiện công tác đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng;

c) Phối hợp kiểm tra, giám sát hàng hóa, vật phẩm xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới; đảm bảo an ninh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phòng, chống buôn lậu và gian lận thương mại;

d) Thực hiện cấp, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ thị thực, cấp chứng nhận tạm trú theo quy định pháp luật.

2. Cơ quan Hải quan cửa khẩu chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu đối với hàng hóa tại cửa khẩu biên giới; phòng, chống hoạt động vận chuyển, buôn bán hàng hóa thuộc danh mục cấm, buôn lậu, gian lận thương mại; thực hiện kiểm tra giám sát hải quan đối với phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật) chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động kiểm dịch, phòng dịch tại cửa khẩu biên giới.

### **Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong khu vực cửa khẩu**

1. Sử dụng hộ chiếu, giấy tờ giả, hộ chiếu, giấy tờ trái với quy định pháp luật Việt Nam; tổ chức, đưa, đón dẫn đường, chuyên chở người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép.

2. Tuyên truyền, kích động hoặc có hành vi phá hoại an ninh, gây rối, gây mất trật tự công cộng, gây ùn tắc cản trở các hoạt động lưu thông hợp pháp tại cửa khẩu; không chấp hành hoặc ngăn cản việc kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu; sử dụng, mua bán, vận chuyển trái phép tài liệu, vật mang tin có chứa thông tin bí mật quân sự, bí mật nhà nước, sách báo, văn hóa phẩm độc hại.

3. Đưa, đón người, chuyên chở, xếp, dỡ hàng hóa không đúng nơi quy định, đi vào khu vực cấm.

4. Làm mất vệ sinh công cộng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi làm ảnh hưởng xấu đến cảnh quan khu vực cửa khẩu.

5. Các hoạt động khác trái với quy định pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ XUẤT, NHẬP QUA CỬA KHẨU, KHU VỰC CỬA KHẨU, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG Ở KHU VỰC CỬA KHẨU**

#### **Điều 8. Người xuất cảnh, nhập cảnh**

1. Công dân Việt Nam:

a) Công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới Việt Nam phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh hợp lệ;

b) Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới, tỉnh biên giới khi sang khu vực biên giới, tỉnh biên giới đối diện nước láng giềng phải có giấy thông hành biên giới hoặc giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Người nước ngoài:

a) Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu biên giới Việt Nam phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu hợp lệ và có thị thực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ trường hợp được miễn thị thực;

b) Công dân nước láng giềng thường trú trong khu vực biên giới, tỉnh biên giới khi sang khu vực biên giới, tỉnh biên giới Việt Nam đối diện phải có giấy thông hành biên giới hoặc giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

#### **Điều 9. Phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh**

1. Phương tiện Việt Nam, nước ngoài khi xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế về vận tải đường bộ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.

2. Phương tiện Việt Nam và nước ngoài khi xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới phải có các loại giấy tờ sau:

a) Giấy đăng ký phương tiện;

b) Giấy phép liên vận, giấy phép vận tải;

c) Giấy phép vận chuyển hành khách (đối với phương tiện vận chuyển hành khách);

d) Giấy tờ về thủ tục hàng hóa (đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa);

đ) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

e) Giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với chủ phương tiện;

g) Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Người điều khiển phương tiện, người đi trên phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh phải có giấy tờ sau đây:

- a) Giấy tờ quy định tại Điều 8 Nghị định này;
- b) Giấy phép điều khiển phương tiện (đối với người điều khiển phương tiện);
- c) Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế về vận tải đường bộ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

### **Điều 10. Hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu**

Hàng hóa, vật phẩm xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh qua cửa khẩu biên giới phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ, thực hiện các nguyên tắc, thủ tục theo quy định của pháp luật Việt Nam về xuất khẩu, nhập khẩu và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.

### **Điều 11. Khu vực cửa khẩu**

1. Quốc môn.
2. Khu vực thực hiện thủ tục, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động xuất, nhập của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.
  - a) Hệ thống Ba-ri-e kiểm soát: Để duy trì an ninh trật tự đồng thời điều tiết các hoạt động xuất, nhập của người, phương tiện, hàng hóa qua lại cửa khẩu biên giới;
  - b) Nhà kiểm soát liên hợp, giành cho hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, bao gồm: Khu vực chờ làm thủ tục; khu vực thực hiện thủ tục xuất, nhập; phòng đối ngoại; phòng xử lý vi phạm; phòng chỉ huy điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành; khu vực bố trí trang bị, phương tiện kỹ thuật; phòng họp, tiếp khách;
  - c) Khu vực cách ly kiểm dịch y tế và xử lý y tế;
  - d) Khu vực làm thủ tục, kiểm tra, giám sát đối với phương tiện, hàng hóa xuất, nhập;
  - đ) Khu vực kho, bến bãi tập kết hàng chờ xuất khẩu, nhập khẩu; kho trung chuyển hàng hóa;
  - e) Khu vực đón trả tàu (đối với cửa khẩu đường sắt);
  - g) Cầu cảng, khu vực neo đậu đối với phương tiện thủy đang chờ làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh (đối với cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa).
3. Khu vực làm việc của cơ quan nhà nước liên quan.
  - a) Nơi làm việc của Ban Quản lý cửa khẩu;
  - b) Nơi làm việc của các cơ quan: Vận tải, Ngân hàng, Kho bạc và các cơ quan liên quan khác.
4. Khu vực dành cho các hoạt động dịch vụ, thương mại.
  - a) Cửa hàng kinh doanh miễn thuế; kinh doanh hàng hóa, siêu thị, trung tâm thương mại;



- b) Dịch vụ bưu chính;
- c) Dịch vụ du lịch;
- d) Khu vực bãi xe, bến đò;
- đ) Khu phi thuế quan (nếu có);
- e) Khu vực dịch vụ, thương mại khác.

5. Khu vực cấm, khu vực khác (nếu có).

6. Bộ Quốc phòng thiết lập hệ thống Ba-ri-e kiểm soát và các công trình kỹ thuật để xác định ranh giới giữa khu vực cửa khẩu với các khu vực khác và duy trì, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại khu vực cửa khẩu.

7. Khu vực cửa khẩu được cấm biển báo «Khu vực cửa khẩu» và hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, bảng niêm yết theo mẫu thống nhất do Bộ Quốc phòng quy định.

8. Khu vực làm thủ tục kiểm tra, kiểm soát, giám sát tại cửa khẩu được thiết lập để các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện thủ tục kiểm tra, kiểm soát, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

9. Trong phạm vi khu vực cửa khẩu, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành được bố trí các công trình và trang bị kỹ thuật nghiệp vụ để thực hiện thủ tục kiểm tra, kiểm soát, giám sát theo quy định của pháp luật.

## **Điều 12. Thẩm quyền xác định phạm vi khu vực cửa khẩu**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Công Thương xác định phạm vi khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) và báo cáo Chính phủ quyết định.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh, gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an, Ngoại vụ, Công Thương, Y tế, Hải quan, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện có cửa khẩu phụ, lối mở biên giới xác định phạm vi khu vực cửa khẩu phụ, lối mở biên giới và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

## **Điều 13. Hoạt động ở khu vực cửa khẩu**

1. Những người được ra, vào khu vực cửa khẩu:

- a) Hành khách xuất cảnh, nhập cảnh;
- b) Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công chức của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan nhà nước liên quan có trụ sở hoặc văn phòng làm việc trong khu vực cửa khẩu;
- c) Nhân viên các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ, thương mại trong khu vực cửa khẩu;

d) Người điều khiển, người làm việc trên phương tiện chuyên chở hàng hóa, hành khách xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh;

đ) Chủ hàng, người kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ra vào khu vực cửa khẩu thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;

e) Người đến làm việc với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan liên quan có trụ sở hoặc văn phòng làm việc trong khu vực cửa khẩu;

g) Người đến khám, chữa bệnh (trường hợp trong khu vực cửa khẩu có khu vực y tế dành cho khám, chữa bệnh);

h) Ngoài những trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g Khoản này, những người ra, vào khu vực cửa khẩu với mục đích thăm quan, đón tiễn hoặc mục đích khác phải được phép và chịu sự kiểm tra, kiểm soát, giám sát, hướng dẫn của Đồn Biên phòng cửa khẩu.

#### 2. Những người được tạm trú trong khu vực cửa khẩu:

a) Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công chức của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan liên quan có trụ sở hoặc văn phòng làm việc trong khu vực cửa khẩu;

b) Nhân viên các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ, thương mại trong khu vực cửa khẩu;

c) Người Việt Nam, người nước ngoài lưu lại trong khu vực cửa khẩu vì lý do chưa hoàn thành thủ tục xuất, nhập đối với người, phương tiện, hàng hóa hoặc những người lưu lại trong khu vực cửa khẩu vì lý do hợp pháp khác, thì phải đăng ký tạm trú và chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Trạm Biên phòng cửa khẩu.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ, thương mại trong khu vực cửa khẩu phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp và phải hoạt động theo đúng lĩnh vực quy định trong giấy phép.

#### 4. Phương tiện được phép ra, vào, hoạt động, lưu trú tại khu vực cửa khẩu:

a) Phương tiện vận chuyển người xuất cảnh, nhập cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa tại các kho, bãi hàng hóa trong khu vực cửa khẩu;

b) Phương tiện là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

c) Phương tiện chuyên chở cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công chức đến làm việc tại cửa khẩu hoặc phương tiện của cán bộ, chiến sĩ, nhân viên, công chức làm việc tại cửa khẩu;

d) Phương tiện của Việt Nam, nước ngoài lưu lại trong khu vực cửa khẩu vì lý do chưa hoàn thành thủ tục xuất, nhập đối với phương tiện, hàng hóa thì phải đăng ký lưu trú và chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Trạm Biên phòng cửa khẩu;

đ) Phương tiện ra, vào, hoạt động, lưu trú tại khu vực cửa khẩu phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ, phù hợp với mục đích hoạt động tại cửa khẩu.

5. Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hướng dẫn thủ tục, kiểm tra, kiểm soát, giám sát tổ chức, cá nhân, phương tiện của Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại khu vực cửa khẩu theo quy định của Nghị định này, quy định pháp luật liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Điều 14. Dây chuyền kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương)**

1. Đối với người, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Cửa xuất: Hải quan - Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật) - Biên phòng;

b) Cửa nhập: Biên phòng - Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật) - Hải quan.

2. Trong trường hợp có dịch bệnh, dây chuyền kiểm tra, kiểm soát, giám sát đối với người, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bố trí như sau:

a) Cửa xuất: Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật) - Hải quan - Biên phòng;

b) Cửa nhập: Kiểm dịch (y tế, động vật, thực vật) - Biên phòng - Hải quan.

**Điều 15. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới**

1. Tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới đã có đủ các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ sở hạ tầng, kỹ thuật bảo đảm quản lý nhà nước (khu vực thực hiện thủ tục kiểm tra, kiểm soát, giám sát xuất cảnh, nhập cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu; khu vực kho, bến bãi tập kết hàng chờ xuất khẩu, nhập khẩu; đường giao thông để vận chuyển hàng hóa; khu vực bãi xe, bến đậu), hoạt động kiểm tra, kiểm soát, giám sát xuất, nhập qua lại biên giới quốc gia được thực hiện như tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính.

2. Tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới chưa có đủ các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thủ tục kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động qua lại biên giới của cư dân biên giới hai bên được tiến hành tại Trạm kiểm soát biên phòng.

3. Các Bộ: Quốc phòng, Công Thương, Tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới phối hợp chỉ đạo, quản lý các hoạt động xuất, nhập qua lối mở biên giới để thực hiện chính sách thương mại biên giới hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Điều 16. Thời gian làm việc tại cửa khẩu biên giới**

1. Thời gian làm việc tại cửa khẩu thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Chính phủ hai bên thống nhất quyết định thay đổi thời gian làm việc tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) thông qua đường ngoại giao.

3. Chủ tịch, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thống nhất với chính quyền cấp tỉnh đối diện quy định, thay đổi thời gian làm việc tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới sau khi thống nhất với Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính.

4. Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thống nhất với cơ quan chức năng nước láng giềng, quyết định thời gian mở cửa khẩu biên giới ngoài thời gian làm việc trong ngày đối với các trường hợp vì lý do khẩn cấp liên quan đến quốc phòng, an ninh, thiên tai, hỏa hoạn, cấp cứu người bị nạn, truy bắt tội phạm hoặc lý do bất khả kháng khác, đồng thời phải kịp thời báo cáo ngay Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

### **Điều 17. Thảm quyền hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới**

Trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, thiên tai, phòng chống dịch bệnh, lý do đặc biệt khác hoặc theo đề nghị của nước láng giềng, quyền quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới được quy định như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu quốc tế theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hoặc Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh không quá 24 giờ và phải báo cáo ngay Thủ tướng Chính phủ.

3. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) không quá 06 giờ; tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới không quá 12 giờ và phải báo cáo ngay Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Đoàn trưởng Đoàn Biên phòng quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới không quá 06 giờ và phải báo cáo ngay Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện biên giới.

5. Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp thống nhất với Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân tỉnh có cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này đối với trường hợp hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới vì lý do an ninh quốc gia, phòng chống dịch bệnh.

6. Trước khi hết thời gian hạn chế hoặc tạm dừng việc qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới, nếu xét thấy cần tiếp tục hạn chế hoặc tạm dừng thì thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương), thời gian gia hạn không quá 24 giờ;

b) Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) không quá 06 giờ, tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, thời gian gia hạn không quá 12 giờ;

c) Đồn trưởng Đồn Biên phòng quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, thời gian gia hạn không quá 06 giờ.

7. Người có thẩm quyền quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình; trước khi quyết định hạn chế, tạm dừng hoặc gia hạn thời gian hạn chế, tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới và khi tình hình trở lại bình thường phải thông báo cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng nước láng giềng, các cơ quan liên quan và nhân dân biết để thực hiện.

Trong trường hợp hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới khi chưa có sự thống nhất của hai bên, người có thẩm quyền quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này phải thông báo cho Sở Ngoại vụ tỉnh (đối với hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới) hoặc thông báo Bộ Ngoại giao (đối với hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương)) để phối hợp xử lý về đối ngoại.

8. Việc hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới phải phù hợp với các quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

### **Chương III**

## **QUY HOẠCH, XÂY DỰNG CỬA KHẨU BIÊN GIỚI**

### **Điều 18. Quy hoạch cửa khẩu biên giới**

1. Quy hoạch, xây dựng, phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới phải căn cứ tình hình từng tuyến biên giới, từng địa phương, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh, chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

2. Chính phủ thống nhất quản lý quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới trên phạm vi toàn quốc; phê duyệt quy hoạch hệ thống cửa khẩu từng tỉnh và phê duyệt quy hoạch phạm vi khu vực cửa khẩu đối với cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính.

3. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới đất liền lập, thẩm định quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ phê duyệt.

4. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới có cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính lập, thẩm định quy hoạch xây dựng khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, trình Chính phủ phê duyệt.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư lập, thẩm định quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới trên địa bàn tỉnh (trên cơ sở quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới trên toàn quốc), trình Chính phủ phê duyệt;

b) Khảo sát xác định phạm vi khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới trên địa bàn tỉnh; phê duyệt phạm vi khu vực cửa khẩu phụ, lối mở biên giới; trình Chính phủ phê duyệt phạm vi cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính;

c) Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng khu vực cửa khẩu phụ, lối mở biên giới.

6. Hoạt động xây dựng cửa khẩu biên giới thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

#### **Điều 19. Nguyên tắc, thẩm quyền mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới**

1. Nguyên tắc mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới:

a) Được sự thống nhất của chính quyền cấp tỉnh có cửa khẩu hai bên; sự đồng ý của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước láng giềng hoặc do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam quyết định mở theo quy định của Nghị định này;

b) Phải nằm trong quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trên toàn quốc; đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài về kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước;

c) Đảm bảo yếu tố chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia và quốc phòng an ninh, đối ngoại;

d) Đảm bảo phù hợp với lưu lượng người, phương tiện, hàng hóa xuất, nhập.

2. Thẩm quyền mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới:

a) Chính phủ quyết định việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thực hiện việc mở cửa khẩu phụ, lối mở biên giới sau khi thống nhất với các Bộ, ngành liên quan và được sự đồng ý của Chính phủ.

#### **Điều 20. Trình tự mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới**

1. Việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) thực hiện theo trình tự, thủ tục sau:

a) Theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quyết định thành lập đoàn công tác đại diện các Sở, ngành liên quan của tỉnh, gồm: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự, Công an, Ngoại vụ, Công Thương, Y tế, Hải quan, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện có cửa khẩu dự kiến mở, nâng cấp do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì tiến hành khảo sát xác định địa điểm mở, nâng cấp cửa khẩu, tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị, lực lượng kiểm tra, kiểm soát, lưu lượng người, phương tiện, hàng hóa xuất, nhập. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành khảo sát, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tổng hợp kết quả khảo sát, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương);

b) Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh về việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương), Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới có văn bản gửi chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng đề nghị tiến hành hội đàm thống nhất địa điểm, mở hoặc nâng cấp, kế hoạch thực hiện (dự kiến thời gian mở, nâng cấp) cửa khẩu;

c) Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội đàm với chính quyền cấp tỉnh biên giới nước láng giềng, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới báo cáo Chính phủ (thông qua Bộ Ngoại giao) hồ sơ về việc mở, nâng cấp cửa khẩu (01 bộ hồ sơ, gồm có: Sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (bản chính); báo cáo đánh giá tác động đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh (bản chính); báo cáo lưu lượng người, phương tiện, hàng hóa xuất, nhập (bản chính); bản sao biên bản thỏa thuận, hội đàm);

d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo hồ sơ mở, nâng cấp cửa khẩu của Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế tiến hành khảo sát địa điểm cần mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính;

đ) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành khảo sát, Bộ Ngoại giao tổng hợp kết quả khảo sát, ý kiến tham gia của các Bộ, báo cáo Chính phủ quyết định việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính;

e) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Chính phủ có quyết định về việc mở, nâng cấp cửa khẩu, Bộ Ngoại giao gửi công hàm cho nước láng giềng thông báo chủ trương của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng ý mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính;

g) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công hàm đồng ý mở, nâng cấp cửa khẩu của nước láng giềng thông qua đường ngoại giao, Bộ Ngoại giao thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới để trao đổi thống nhất với chính

quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng, phối hợp tổ chức lễ công bố khai trương mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng trả lời thống nhất thời gian tổ chức lễ công bố khai trương mở, nâng cấp quốc tế, cửa khẩu chính, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thông báo cho các Bộ quy định tại Điểm d Khoản này để phối hợp thực hiện.

2. Việc mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới thực hiện theo trình tự, thủ tục sau:

a) Theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quyết định thành lập đoàn công tác đại diện các Sở, ngành liên quan của tỉnh, gồm: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự, Công an, Ngoại vụ, Công Thương, Y tế, Hải quan, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện có cửa khẩu phụ, lối mở dự kiến mở, nâng cấp do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì tiến hành khảo sát xác định địa điểm mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị, lực lượng kiểm tra, kiểm soát, lưu lượng người, phương tiện, hàng hóa xuất, nhập. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành khảo sát, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tổng hợp kết quả khảo sát, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh về việc mở cửa khẩu phụ, mở, nâng cấp lối mở biên giới lên cửa khẩu phụ, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới có văn bản gửi chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng đề nghị tiến hành hội đàm thống nhất địa điểm, dự kiến thời gian mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội đàm với chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng, căn cứ kết quả hội đàm, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới có văn bản xin ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Công an, Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Y tế (kèm theo 01 bộ hồ sơ, gồm có: Sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới (bản chính); báo cáo đánh giá tác động đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh (bản chính); báo cáo lưu lượng người, phương tiện, hàng hóa xuất, nhập (bản chính); bản sao biên bản thỏa thuận, hội đàm). Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới, các Bộ phải có văn bản trả lời;

d) Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ quy định tại Điểm c Khoản này, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới tổng hợp, báo cáo xin ý kiến Chính phủ (kèm theo 01 bộ hồ sơ, gồm có: Tờ trình Chính phủ (bản chính); sơ đồ, bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực dự kiến mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới (bản chính); báo cáo đánh giá tác động đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh (bản chính); báo cáo lưu lượng



người, phương tiện, hàng hóa xuất, nhập (bản chính); báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành (bản chính); bản sao biên bản thỏa thuận, hội đàm);

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo ý kiến đồng ý của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới ban hành quyết định mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới và thông báo cho các Bộ quy định tại Điểm c Khoản này;

đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định mở, nâng cấp cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới có văn bản gửi chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng trao đổi thống nhất thời gian hoạt động chính thức của cửa khẩu phụ, lối mở biên giới (căn cứ tình hình thực tế có thể đề nghị tổ chức lễ công bố mở cửa khẩu phụ, lối mở biên giới);

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của chính quyền địa phương cấp tỉnh biên giới nước láng giềng trả lời thống nhất thời gian hoạt động chính thức của cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thông báo cho các Bộ quy định tại Điểm c Khoản này để phối hợp thực hiện.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH ĐỐI VỚI CỬA KHẨU BIÊN GIỚI**

#### **Điều 21. Nội dung quản lý nhà nước đối với cửa khẩu biên giới**

1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về cửa khẩu biên giới.
2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về cửa khẩu biên giới.
3. Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới trên đất liền; mở, nâng cấp cửa khẩu, lối mở biên giới.
4. Xây dựng chính sách quản lý các hoạt động xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới.
5. Tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu; đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ đáp ứng công tác quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động xuất, nhập qua cửa khẩu biên giới.
6. Đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế về cửa khẩu biên giới; hợp tác quốc tế trong việc xây dựng, quản lý cửa khẩu biên giới.
7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về cửa khẩu biên giới.

## **Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với cửa khẩu biên giới.

2. Chỉ đạo Bộ đội Biên phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng; đảm bảo chủ quyền lãnh thổ quốc gia, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cửa khẩu biên giới; chủ trì thực hiện công tác thủ tục, kiểm tra, kiểm soát, giám sát xuất cảnh, nhập cảnh đối với người, phương tiện; phối hợp kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất, nhập; cấp phép một số giấy tờ quy định; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện mở, nâng cấp cửa khẩu, lối mở biên giới; hướng dẫn thủ tục cho người, phương tiện ngoài khu vực biên giới, xuất, nhập qua lối mở biên giới.

3. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, các Bộ liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới trong xây dựng, quy hoạch và phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đảm bảo yêu cầu về quốc phòng - an ninh.

4. Hàng năm, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán ngân sách để triển khai thực hiện Nghị định này.

## **Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trong công tác đảm bảo ngân sách để triển khai thực hiện Nghị định này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Chỉ đạo cơ quan Hải quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan tại cửa khẩu biên giới theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

## **Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

1. Tổ chức, hướng dẫn, bảo đảm trang thiết bị cho cơ quan kiểm dịch y tế thực hiện chức năng kiểm dịch y tế tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền trong trường hợp xảy ra dịch bệnh đối với người theo quy định của Nghị định này.

## **Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Chỉ đạo cơ quan kiểm dịch động, thực vật thực hiện chức năng kiểm dịch động vật, thực vật tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền trong trường hợp xảy ra dịch bệnh theo quy định của Nghị định này.

## **Điều 26. Trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan**

### **1. Bộ Ngoại giao:**

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trên toàn quốc, trình Chính phủ phê duyệt;

b) Thực hiện trách nhiệm liên quan đến việc mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới theo quy định tại Điều 20 của Nghị định này; hướng dẫn quy trình, thủ tục mở, nâng cấp cửa khẩu, lối mở biên giới; trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

### **2. Bộ Công an:**

a) Phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn hoạt động kiểm soát xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới;

b) Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương phối hợp với Bộ đội Biên phòng và các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm trong khu vực cửa khẩu biên giới.

### **3. Bộ Công Thương:**

a) Thực hiện quản lý nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu và hoạt động thương mại biên giới qua cửa khẩu biên giới;

b) Xây dựng chính sách thương mại biên giới hàng năm và từng thời kỳ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới chống buôn lậu, gian lận thương mại qua cửa khẩu biên giới.

### **4. Bộ Xây dựng:**

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Ngoại giao, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới lập quy hoạch xây dựng khu vực cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính;

b) Nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn thiết kế, xin ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Tài chính, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với công trình Quốc môn và Nhà kiểm soát liên hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để thực hiện thống nhất trên toàn quốc;

c) Thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình xây dựng trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định.

## 5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao và Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới tham mưu cho Chính phủ xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội khu vực cửa khẩu biên giới đất liền trên toàn quốc;

b) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối ngân sách đầu tư phát triển và huy động các nguồn lực khác để đầu tư xây dựng các công trình trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền.

## 6. Bộ Giao thông vận tải:

a) Xây dựng quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trên toàn quốc trình Chính phủ phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thực hiện đấu nối đường giao thông cửa khẩu Việt Nam với cửa khẩu nước láng giềng;

b) Triển khai thực hiện các quy định về hoạt động xuất, nhập qua cửa khẩu của phương tiện vận tải theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

## 7. Ủy ban hợp tác Quản lý cửa khẩu phía Việt Nam:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện Hiệp định về cửa khẩu và Quy chế quản lý cửa khẩu, biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ của Ủy ban hợp tác Quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam-Trung Quốc và văn bản pháp luật liên quan.

### **Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh có cửa khẩu biên giới**

1. Chỉ đạo xây dựng Quốc môn, Nhà kiểm soát liên hợp, cơ sở hạ tầng và hệ thống giao thông khu vực cửa khẩu.

2. Bố trí nguồn ngân sách cấp các loại biển báo, biển chỉ dẫn tại cửa khẩu biên giới.

3. Hàng năm, trích nguồn ngân sách của địa phương để thực hiện Nghị định; phối hợp với Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị định.

4. Chỉ đạo Ban Quản lý cửa khẩu điều hành, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan quản lý nhà nước liên quan giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực hành chính, vệ sinh môi trường, quản lý cơ sở hạ tầng, tài sản, trang bị chung nhằm đảm bảo cho các hoạt động quản lý nhà nước tại cửa khẩu biên giới.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 28. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2015 và thay thế Nghị định số 32/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền.

## **Điều 29. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành**

1. Các Bộ trưởng: Quốc phòng, Công an, Tài chính, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng theo thẩm quyền có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn các điều, khoản được quy định trong Nghị định này.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Tấn Dũng**

**NGHỊ ĐỊNH**

**VỀ QUY CHẾ KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;  
Căn cứ Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng ngày 28 tháng 3 năm 1997;  
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,  
Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Chương 1  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về Quy chế và quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới đất liền; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong xây dựng, quản lý, bảo vệ khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trường hợp quy định của Nghị định này khác với quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới đất liền có trách nhiệm chấp hành Nghị định này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết gọn là khu vực biên giới đất liền) bao gồm xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) có một phần địa giới hành chính trùng hợp với đường biên giới quốc gia trên đất liền.

Danh sách xã, phường, thị trấn khu vực biên giới đất liền có Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Vành đai biên giới là phần lãnh thổ từ đường biên giới quốc gia trở vào, được thiết lập nhằm quản lý, kiểm soát các hoạt động của người, phương tiện trong vành đai biên giới; duy trì an ninh, trật tự và phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật; nơi hẹp nhất 100 m, nơi rộng nhất không quá 1.000 m, trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quy định.

3. Vùng cấm là phần lãnh thổ nằm trong khu vực biên giới đất liền được thiết lập để quản lý, bảo vệ, duy trì an ninh, trật tự; phòng, chống, ngăn chặn các hành vi xâm nhập, phá hoại, khai thác, thu thập bí mật nhà nước.

4. Hoạt động trong khu vực biên giới đất liền bao gồm: Cư trú, vào, đi lại, sản xuất, kinh doanh; thăm dò, khai thác tài nguyên; xây dựng các công trình, thực hiện các dự án và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới đất liền.

5. Cư dân biên giới là người có hộ khẩu thường trú ở khu vực biên giới đất liền.

#### **Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong khu vực biên giới đất liền**

1. Làm hư hỏng, hủy hoại, xê dịch hoặc mất mốc quốc giới, dấu hiệu nhận biết đường biên giới, các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, công trình biên giới.

2. Làm thay đổi dòng chảy tự nhiên, làm cạn kiệt nguồn nước, gây ngập úng, ô nhiễm môi trường của sông, suối biên giới.

3. Cư trú, khai thác lâm thổ sản, thăm dò, khai thác khoáng sản, thủy sản trái phép.

4. Vượt biên giới làm ruộng, rẫy, săn bắn, chăn thả gia súc.

5. Chôn cất, chuyển dịch mồ mã, vận chuyển thi thể, hài cốt, động vật, thực vật và xác động vật qua biên giới không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

6. Bắn súng qua biên giới, gây nổ, chặt phá và đốt cây khai hoang trong vành đai biên giới.

7. Quay phim, chụp ảnh, ghi âm, đo, vẽ cảnh vật ở những nơi có biển cấm trong khu vực biên giới đất liền.

8. Các hành vi buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới, gian lận thương mại.

9. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các hiệp định về quy chế biên giới mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký với các nước láng giềng.

## Chương 2

# QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI, PHƯƠNG TIỆN TRONG KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

### **Điều 5. Cư trú ở khu vực biên giới đất liền**

1. Những người được cư trú ở khu vực biên giới đất liền:

a) Cư dân biên giới;

b) Người có giấy phép của cơ quan Công an có thẩm quyền cho phép cư trú ở khu vực biên giới đất liền;

c) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng, hạ sĩ quan, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, công nhân, viên chức, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật Công an nhân dân có đơn vị đóng quân ở khu vực biên giới đất liền.

2. Những người không được cư trú ở khu vực biên giới đất liền:

a) Người đang thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền cấm cư trú ở khu vực biên giới đất liền, người chưa được phép xuất cảnh, tạm hoãn xuất cảnh;

b) Người đang bị cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

c) Người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án, được hưởng án treo hoặc đang được hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù; người đang bị quản chế;

d) Người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành.

đ) Người không thuộc diện quy định tại Khoản 1 Điều này;

Các đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản này không áp dụng đối với cư dân biên giới.

### **Điều 6. Đi vào khu vực biên giới đất liền**

1. Đối với công dân Việt Nam

Công dân Việt Nam vào khu vực biên giới đất liền phải có Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với người nước ngoài

a) Người nước ngoài thường trú, tạm trú ở Việt Nam vào khu vực biên giới đất liền phải có giấy phép của cơ quan Công an cấp tỉnh nơi người đó thường trú, tạm trú hoặc Công an tỉnh biên giới đất liền nơi đến cấp;

b) Cơ quan, tổ chức Việt Nam đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền phải có giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức chủ quản; cán bộ đi cùng phải có giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này, đồng thời cơ quan, tổ chức phải thông báo cho Công an và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến biết trước ít nhất 24 giờ;



c) Trường hợp người nước ngoài đi trong các đoàn đại biểu, đoàn cấp cao vào khu vực biên giới đất liền, cơ quan, tổ chức của Việt Nam (cơ quan mời hoặc làm việc với Đoàn) phải thông báo bằng văn bản cho Công an và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến biết, đồng thời cử cán bộ đi cùng để hướng dẫn.

3. Những người sau đây không được vào khu vực biên giới đất liền:

Những người không thuộc trường hợp quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này và những người quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

### **Điều 7. Hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới đất liền**

1. Công dân Việt Nam (trừ cư dân biên giới) và người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền, nếu ở qua đêm phải đăng ký lưu trú tại cơ quan Công an cấp xã sở tại theo quy định của pháp luật. Trường hợp ở qua đêm trong vành đai biên giới phải thông báo bằng văn bản cho Đồn Biên phòng sở tại.

2. Người, phương tiện hoạt động trong khu vực biên giới đất liền phải có đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật và chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát của Đồn Biên phòng, Công an cấp xã sở tại và lực lượng chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động của người, phương tiện Việt Nam và nước ngoài ở khu du lịch, dịch vụ, thương mại, khu kinh tế cửa khẩu, khu vực cửa khẩu và các khu kinh tế khác được mở ra trong khu vực biên giới đất liền thực hiện theo quy định của pháp luật đối với các khu vực đó và quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Các hoạt động khác trong khu vực biên giới đất liền thực hiện theo quy định của pháp luật về lĩnh vực đó và tuân theo quy định tại Nghị định này.

5. Cư dân biên giới của nước láng giềng hoạt động trong khu vực biên giới đất liền Việt Nam thực hiện theo hiệp định về quy chế biên giới hai nước đã ký kết và quy định của pháp luật Việt Nam.

### **Điều 8. Xây dựng các dự án, công trình trong khu vực biên giới đất liền**

1. Việc xây dựng các dự án, công trình trong khu vực biên giới đất liền không được làm ảnh hưởng công trình biên giới; thay đổi dấu hiệu nhận biết đường biên giới, hư hại, hủy hoại hoặc mất mốc quốc giới; không vi phạm các hiệp định về quy chế biên giới mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết với các nước láng giềng.

2. Khi xây dựng các dự án, công trình trong vành đai biên giới, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương phải lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời hạn 30 ngày, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời cơ quan gửi lấy ý kiến.

Khi triển khai thực hiện các dự án, công trình, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh và chính quyền địa phương sở tại biết trước ít nhất trước 03 (ba) ngày làm việc.

3. Các cơ quan, tổ chức tham gia khảo sát, thiết kế, thi công, triển khai thực hiện các dự án, công trình ở khu vực biên giới đất liền phải thông báo trước 03 (ba) ngày cho Đồn Biên phòng, Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại về danh sách người, phương tiện, thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động.

4. Đồn Biên phòng có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị theo quy định tại Khoản 3 Điều này nhận biết đường biên giới, phạm vi khu vực biên giới đất liền, vành đai biên giới, vùng cấm, các quy định có liên quan đến quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; các hiệp định về quy chế biên giới mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết với các nước láng giềng.

#### **Điều 9. Biển báo trong khu vực biên giới đất liền**

1. Trong khu vực biên giới đất liền có biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm” và các biển báo khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định mẫu biển báo và thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh vị trí cắm biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm” quy định tại Khoản 1 Điều này.

#### **Điều 10. Tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền**

1. Các trường hợp được tạm dừng:

a) Khu vực đang xảy ra tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, đe dọa đến chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia;

b) Khu vực đang xảy ra xung đột vũ trang, trấn cướp, khủng bố, bạo loạn, xâm nhập, bắt cóc người hoặc gây rối an ninh, trật tự nghiêm trọng;

c) Khu vực đang có thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, sự cố hóa chất, sự cố phóng xạ có nguy cơ đe dọa gây thiệt hại đến cộng đồng, lan truyền qua biên giới;

d) Nhận được thông báo của Chính phủ, chính quyền địa phương hoặc lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng về việc tạm dừng qua lại biên giới.

2. Để bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân; ngăn chặn thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, các hoạt động sau đây sẽ bị tạm dừng:

Vào vành đai biên giới, họp chợ, tổ chức lễ hội, sản xuất, kinh doanh, xây dựng, thăm dò, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác thuộc các trường hợp xảy ra quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Người có thẩm quyền tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền được quy định như sau:

a) Đồn trưởng Đồn Biên phòng quyết định tạm dừng không quá 12 giờ trong phạm vi vành đai biên giới thuộc địa bàn phụ trách và phải báo cáo Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sở tại và các cơ quan liên quan ở khu vực biên giới đất liền và chính quyền địa phương, lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước láng giềng biết;

b) Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh quyết định tạm dừng không quá 24 giờ trong khu vực biên giới đất liền thuộc phạm vi quản lý và phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đồng thời thông báo cho Công an tỉnh và lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới đối diện nước láng giềng biết;

Trường hợp hết thời hạn 24 giờ, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh xét thấy cần phải tiếp tục tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền, có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thời gian tiếp tục tạm dừng không quá 24 giờ, đồng thời thông báo cho Công an cấp tỉnh và lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới đối diện nước láng giềng biết.

4. Người có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao để phối hợp xử lý khi cần thiết; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên trực tiếp về các quyết định tạm dừng; khi hết thời hạn cho phép hoặc khi tình hình đã trở lại bình thường phải ban hành quyết định bãi bỏ quyết định tạm dừng đã ban hành và thông báo bằng văn bản đến các cơ quan có liên quan, lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới nước láng giềng và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết.

#### **Điều 11. Quản lý hoạt động trong vành đai biên giới**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh biên giới đất liền xác định phạm vi vành đai biên giới sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao; đối với trường hợp đặc biệt báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Những người quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này được hoạt động trong vành đai biên giới.

3. Những người không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này khi vào vành đai biên giới phải có giấy tờ theo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định này và phải trình báo Đồn Biên phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại.

4. Cơ quan, tổ chức hoạt động trong vành đai biên giới phải thông báo bằng văn bản cho Đồn Biên phòng sở tại về danh sách người, phương tiện, thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động.

#### **Điều 12. Quản lý hoạt động trong vùng cấm**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh biên giới xác định vùng cấm trong phạm vi địa phương quản lý theo đề nghị của các ngành chức năng trong tỉnh.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xác định vùng cấm đối với các công trình quốc phòng, công trình biên giới và thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có vùng cấm biết.

3. Quản lý, bảo vệ vùng cấm

a) Vùng cấm phải có nội quy bảo vệ do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý vùng cấm đó quy định;

b) Công dân Việt Nam, người nước ngoài (trừ những người được phép thường trú, làm việc trong vùng cấm đó) vào vùng cấm phải có giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định này và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý vùng cấm đó cho phép.

### **Chương 3**

## **TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, BẢO VỆ KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN**

### **Điều 13. Bộ Quốc phòng**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới đất liền thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia; tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư, chính sách về xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới, khu vực biên giới đất liền theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan xây dựng quy chế phối hợp giữa các lực lượng để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

3. Hàng năm, có trách nhiệm thông kê số người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền, vành đai biên giới, vùng cấm; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới đất liền.

4. Chỉ đạo Bộ đội Biên phòng:

a) Chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an nhân dân, chính quyền địa phương các cấp và các cơ quan có liên quan trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới đất liền;

b) Tham mưu cho chính quyền địa phương các cấp về nội dung phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia; củng cố cơ sở chính trị, xây dựng khu vực biên giới đất liền vững mạnh về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại;

c) Tiến hành các biện pháp quản lý, bảo vệ biên giới; bố trí, sử dụng lực lượng, phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự và an toàn xã hội ở khu vực biên giới đất liền; đấu tranh phòng, chống tội phạm, buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới, gian lận thương mại và các hành vi vi phạm pháp luật khác; thực hiện công tác đối ngoại biên phòng theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức các hoạt động tuần tra, kiểm soát cố định, lưu động thường xuyên, đột xuất để kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện vào khu vực biên giới đất liền, vành đai biên giới.

## **Điều 14. Bộ Công an**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới đất liền xây dựng kế hoạch bảo vệ an ninh quốc gia, gắn an ninh biên giới với an ninh nội địa; phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn Bộ đội Biên phòng tham gia công tác bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và công tác xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng ban hành chủ trương chỉ đạo đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới đất liền.

## **Điều 15. Bộ Ngoại giao**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới đất liền triển khai thực hiện các điều ước quốc tế về biên giới, lãnh thổ trên cơ sở các điều ước quốc tế về hoạch định biên giới quốc gia mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới đất liền đàm phán, giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến chủ quyền biên giới quốc gia.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng quy chế phối hợp về giải quyết các vụ việc, cung cấp tin tức, tài liệu, hướng dẫn nghiệp vụ đối ngoại; công tác sơ, tổng kết các vấn đề liên quan đến xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

## **Điều 16. Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới đất liền tổng hợp nhu cầu về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ở khu vực biên giới đất liền; xây kè sông, suối biên giới, kè bảo vệ mốc quốc giới báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng năm cân đối một khoản ngân sách thích hợp để dành riêng đầu tư xây dựng nhằm củng cố quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế, xã hội ở khu vực biên giới đất liền.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới đất liền xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư phát triển, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội ở khu vực biên giới đất liền.

## **Điều 17. Bộ Tài chính**

1. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới đất liền bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới đất liền xây dựng cơ chế, chính sách tài chính, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội ở khu vực biên giới đất liền.

## **Điều 18. Bộ Công Thương**

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới đất liền xây dựng chính sách phát triển thương mại ở khu vực biên giới đất liền.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.

## **Điều 19. Các Bộ, ngành liên quan**

Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới đất liền.

## **Điều 20. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới trên đất liền**

1. Thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia theo quy định của pháp luật; xây dựng khu vực biên giới đất liền vững mạnh về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh.

2. Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, lực lượng chức năng phối hợp với Bộ đội Biên phòng và các cơ quan có liên quan trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm ở khu vực biên giới đất liền theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức các lực lượng chức năng, huy động quần chúng nhân dân thực hiện phong trào toàn dân tham gia xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; phòng, chống các hoạt động vi phạm chủ quyền, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới đất liền.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân về xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới đất liền.

5. Hàng năm, bố trí nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trong khu vực biên giới đất liền.

## **Điều 21. Cơ quan, tổ chức khác**

Các cơ quan, tổ chức khác hoạt động ở khu vực biên giới đất liền phải chấp hành Nghị định này và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; có trách nhiệm phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới đất liền.

## **Chương 4**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2014 và thay thế Nghị định số 34/2000/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **Điều 23. Ngân sách đảm bảo**

1. Kinh phí thực hiện xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới đất liền do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp hiện hành.

2. Việc lập, phân bổ, giao dự toán, thanh, quyết toán được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **Điều 24. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Tấn Dũng**

## PHỤ LỤC

### Danh sách xã, phường, thị trấn khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

(Ban hành kèm theo Nghị định số 34/2014/NĐ-CP  
ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ)

(In trích)

TỈNH	HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
...	...	...
<b>5. LÀO CAI</b>	1. Huyện Si Ma Cai	1. Xã Sán Chải 2. Xã Si Ma Cai <sup>3</sup> 3. Xã Nàn Sán
	2. Huyện Mường Khương	1. Xã Tả Gia Khâu 2. Xã Dìn Chin 3. Xã Pha Long 4. Xã Tả Ngải Chồ 5. Xã Tung Trung Phó 6. Thị trấn Mường Khương 7. Xã Nậm Cháy 8. Xã Lùng Vai 9. Xã Bản Lầu
	3. Huyện Bảo Thắng	1. Xã Bản Phiệt
	4. Huyện Bát Xát	1. Xã Quang Kim    6. Xã Nậm Chạc 2. Xã Bản Qua    7. Xã A Mú Sung 3. Xã Bản Vược    8. Xã A Lù 4. Xã Cốc Mỳ    9. Xã Ngải Thầu <sup>4</sup> 5. Xã Trịnh Tường    10. Xã Ý Tý
	5. Thành phố Lào Cai	1. Phường Lào Cai 2. Phường Duyên Hải 3. Xã Đồng Tuyển
...	...	...
...	...	...

3. Điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 896/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai quy định: “Thành lập thị trấn Si Ma Cai trên cơ sở toàn bộ 15,01 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên và quy mô dân số 5.652 người của xã Si Ma Cai”

4. Điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 896/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Lào Cai quy định: “Nhập toàn bộ 15,39 km<sup>2</sup> diện tích tự nhiên, 2.063 người của xã Ngải Thầu vào xã A Lù”



**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính  
trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Các hành vi vi phạm hành chính xảy ra ở khu vực biên giới không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước khác có liên quan để xử phạt.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lãnh thổ Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

b) Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác;

d) Tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Hộ kinh doanh đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.

### **Điều 3. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính sau:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác, thăm dò tài nguyên, khoáng sản, hải sản, môi trường và giấy phép xây dựng, vận tải, kinh doanh từ 06 tháng đến 12 tháng; tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế và giấy phép hoạt động dịch vụ, thương mại tại cửa khẩu biên giới đất liền từ 03 tháng đến 06 tháng;

c) Trục xuất.

3. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

b) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

c) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

đ) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

e) Buộc rời khỏi khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu;

g) Buộc tiêu hủy giấy tờ tùy thân, giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới hết giá trị sử dụng;

h) Buộc thực hiện việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, kinh doanh tạm nhập - tái xuất đúng cửa khẩu, tuyến đường quy định;

i) Buộc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu đối với mốc quốc giới, cọc dấu, điểm cơ sở, bia chủ quyền, dấu hiệu đường biên giới, vật đánh dấu đường biên giới, công trình phòng thủ vùng biển, công trình biên giới, biển báo trong khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, cửa khẩu cảng;

k) Buộc lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan;

l) Buộc nộp lại giấy phép đi bờ, giấy phép xuống tàu;

m) Tạm dừng thực hiện thủ tục xuất cảnh đối với phương tiện Việt Nam, tạm dừng thực hiện thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh đối với phương tiện nước ngoài.

4. Việc áp dụng hình thức xử phạt trực xuất đối với người nước ngoài có thể là hình thức xử phạt chính hoặc hình thức xử phạt bổ sung.

#### **Điều 4. Mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia**

1. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là 50.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, điểm a khoản 5, điểm a khoản 7 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 7; điểm b khoản 8 Điều 8; điểm d khoản 2 Điều 9; Điều 11 Nghị định này. Trường hợp tổ chức có cùng hành vi vi phạm như của cá nhân thì mức phạt tiền bằng hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức bằng hai lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

### **Chương II**

#### **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

#### **Điều 5. Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới**

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Thăm dò địa chất, khai thác tài nguyên, khoáng sản theo giấy phép làm hư hại dấu hiệu đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới, cọc dấu, vật đánh dấu đường

biên giới, cột cờ, bia chủ quyền trên các đảo, điểm cơ sở; công trình phòng thủ vùng biển, công trình biên giới;

b) Đổ đất đá, chất thải xuống sông, suối biên giới.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm hư hại mốc quốc giới, cọc dấu, dấu hiệu đường biên giới, vật đánh dấu đường biên giới, cột cờ, điểm cơ sở, bia chủ quyền trên các đảo;

b) Làm thay đổi dòng chảy sông, suối biên giới hoặc làm ảnh hưởng đến đường biên giới quốc gia;

c) Xây dựng công trình kiên cố trong phạm vi 30 mét tính từ đường biên giới trên đất liền tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc hoặc 100 mét tính từ đường biên giới trên đất liền tuyến biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia;

d) Xây dựng trái phép công trình trên sông, suối biên giới.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác, thăm dò tài nguyên, khoáng sản, giấy phép xây dựng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1; điểm c, điểm d khoản 2 Điều này;

c) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

4 Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc buộc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu, buộc tháo dỡ công trình, phần công trình không có giấy phép xây dựng hoặc xây dựng không đúng với giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

#### **Điều 6. Hành vi vi phạm quy chế khu vực biên giới đất liền**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Công dân Việt Nam vào khu vực biên giới đất liền, vành đai biên giới không mang theo Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

b) Tạm trú, lưu trú, đi lại trong khu vực biên giới đất liền không đúng quy định;

c) Không thông báo, khai báo, đăng ký hoặc che giấu, giúp đỡ người khác đi lại, lưu trú, tạm trú trái phép trong khu vực biên giới đất liền.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Cư dân biên giới sử dụng giấy tờ xuất, nhập cảnh biên giới hết giá trị để qua lại biên giới;

b) Cư dân biên giới đi quá phạm vi quy định khi được phép qua lại biên giới;

c) Cung cấp thông tin không đúng sự thật để được cấp giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới;

d) Người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền (trừ khu du lịch, dịch vụ, khu kinh tế), vành đai biên giới không có giấy tờ theo quy định;

đ) Người nước ngoài vào vành đai biên giới không trình báo với đồn Biên phòng sở tại;

e) Cư dân biên giới chặn thả gia súc, gia cầm qua biên giới.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Cư dân biên giới cho người khác sử dụng giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới để qua lại biên giới;

b) Canh tác, đào bới trong phạm vi đường thông tầm nhìn biên giới;

c) Vi phạm quy tắc hoạt động của tàu thuyền trên sông, suối biên giới;

d) Không trình báo với đồn Biên phòng hoặc Công an cấp xã sở tại về mục đích, thời gian, danh sách người, số lượng phương tiện, nội dung và phạm vi hoạt động ở vành đai biên giới;

đ) Ra, vào, đi lại, điều khiển phương tiện, tiến hành các hoạt động không đúng quy định trong vùng cấm.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Cơ quan, tổ chức đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền nhưng không cử người đi cùng, không thông báo với Công an, Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến;

b) Không chấp hành quyết định tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền, vành đai biên giới của người có thẩm quyền;

c) Dẫn dắt, tạo điều kiện cho người, phương tiện vào hoạt động trái phép trong khu vực biên giới đất liền;

d) Đi lại quá phạm vi quy định trong khu vực biên giới đất liền, trừ trường hợp là cư dân biên giới;

đ) Quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ cảnh vật, ghi hình trái phép bằng các thiết bị điện tử, thu phát vô tuyến điện trong vùng cấm.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Cơ quan, tổ chức đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới chưa được cấp phép hoặc không được cấp phép của cơ quan Công an có thẩm quyền;

b) Cư dân biên giới qua biên giới làm ruộng, rẫy;

c) Cư dân biên giới qua lại biên giới không có giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới theo quy định của pháp luật;

d) Cư dân biên giới qua lại biên giới không đúng các điểm quy định dành cho việc qua lại của cư dân biên giới;

đ) Sử dụng giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới của người khác để qua lại biên giới;

e) Cho người khác sử dụng giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới để qua lại biên giới.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Đốt cây khai hoang trong phạm vi 1.000 mét tính từ đường biên giới trên đất liền;

b) Xâm cư ở khu vực biên giới đất liền;

c) Sử dụng vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ trái phép trong vành đai biên giới nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cơ quan, tổ chức hoạt động trong vành đai biên giới không thông báo cho đồn Biên phòng sở tại về danh sách người, phương tiện, thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động;

b) Vào vành đai biên giới không có giấy tờ theo quy định và không trình báo cho đồn Biên phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại, trừ cư dân biên giới;

c) Đánh bắt thủy sản trái phép, sử dụng vật gây nổ, chất có độc, xung điện trên sông suối, trong lòng đất khu vực biên giới.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển thi hài, hài cốt, xác động vật trái phép qua biên giới.

9. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Chôn thi hài, hài cốt, xác động vật, dịch chuyển mồ mả trong vành đai biên giới;

b) Nổ súng săn bắn trong phạm vi 1.000 mét tính từ đường biên giới trên đất liền.

10. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Bắn, phóng, thả, điều khiển các phương tiện bay trong khu vực biên giới hoặc qua biên giới;

b) Khai thác khoáng sản trong phạm vi 500 mét tính từ đường biên giới trên đất liền;

c) Lắp đặt các thiết bị lưu giữ hóa chất nguy hiểm và xây dựng nơi xử lý chất thải nguy hiểm trong phạm vi 1.000 mét tính từ đường biên giới trên đất liền.

11. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3; điểm đ khoản 4; khoản 6; điểm c khoản 7; điểm b khoản 9; khoản 10 Điều này;

b) Tịch thu giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới quy định tại điểm a, điểm c khoản 2; điểm a khoản 3; điểm đ, điểm e khoản 5 Điều này;

c) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1; điểm d, điểm đ khoản 2; điểm c, điểm đ khoản 3; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 4; điểm b khoản 6; điểm b khoản 7; khoản 8; điểm a khoản 9; khoản 10 Điều này.

12. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc rời khỏi khu vực biên giới đất liền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; điểm d, điểm đ khoản 2; điểm d, điểm đ khoản 3; điểm b, điểm d khoản 4; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6; điểm a, điểm b khoản 7 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc tháo dỡ công trình, phần công trình không có giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6; điểm c khoản 10 Điều này;

c) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8; điểm a khoản 9 Điều này;

d) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm có nội dung độc hại, buộc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 7; khoản 8; điểm a khoản 9; điểm c khoản 10 Điều này;

đ) Buộc tiêu hủy giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

## **Điều 7. Hành vi vi phạm quy chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi tạm trú, lưu trú, đi lại trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Điều khiển phương tiện ra, vào, hoạt động trong khu vực cửa khẩu không có giấy tờ về phương tiện hoặc sử dụng giấy tờ về phương tiện không đúng quy định của pháp luật hoặc không đúng với mục đích hoạt động tại cửa khẩu biên giới đất liền;

b) Điều khiển phương tiện vận tải liên vận xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đất liền không có phù hiệu gắn trên phương tiện, không có giấy tờ hoặc sử

dụng giấy tờ hết giá trị đối với một trong các loại giấy tờ theo quy định của Hiệp định vận tải đường bộ mà Việt Nam đã ký kết với các nước có chung đường biên giới và quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Đưa đón người, chuyên chở, xếp dỡ hàng hoá tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền không đúng địa điểm quy định, đi vào khu vực cấm.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành hoặc cản trở việc kiểm tra, kiểm soát, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Hoạt động dịch vụ, thương mại trong khu vực cửa khẩu không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động không đúng lĩnh vực ghi trong giấy phép;

b) Cản trở các hoạt động lưu thông hợp pháp tại khu vực cửa khẩu;

c) Gây mất an ninh, trật tự hoặc lôi kéo, kích động, xúi giục, giúp người khác gây mất an ninh, trật tự tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền;

d) Không chấp hành quyết định hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động qua lại biên giới tại cửa khẩu biên giới đất liền của người có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức kinh doanh lữ hành quốc tế để hành khách du lịch nước ngoài đưa phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông không đúng quy định;

b) Hành khách du lịch nước ngoài được phép đưa phương tiện cơ giới vào tham gia giao thông tại Việt Nam nhưng điều khiển phương tiện cơ giới đi quá phạm vi hoặc thời gian cho phép.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi đổ, xả, ném chất thải, chất bẩn, hóa chất, gạch, đá hoặc các vật khác vào Quốc môn, các công trình khác thuộc khu vực Quốc môn.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dịch vụ, thương mại tại cửa khẩu biên giới đất liền từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

d) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; điểm a, điểm c khoản 2; khoản 4; điểm b khoản 5; khoản 6 Điều này.



8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; điểm a khoản 2; điểm b khoản 5; khoản 6 Điều này;

b) Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, khôi phục cảnh quan khu vực cửa khẩu đối với hành vi vi phạm tại khoản 6 Điều này;

c) Tạm dừng thực hiện thủ tục xuất cảnh đối với phương tiện Việt Nam, tạm dừng thực hiện thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh đối với phương tiện nước ngoài đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này.

### **Điều 8. Hành vi vi phạm về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Công dân Việt Nam vào khu vực biên giới biển, khu vực hạn chế hoạt động nằm trong khu vực biên giới biển không mang theo Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

b) Tạm trú, lưu trú, đi lại trong khu vực biên giới biển không đúng quy định;

c) Không khai báo hoặc che giấu, giúp đỡ người khác đi lại, tạm trú, lưu trú trái phép trong khu vực biên giới biển.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Người nước ngoài vào khu vực biên giới biển (trừ khu du lịch, dịch vụ, khu kinh tế) không có giấy tờ theo quy định;

b) Ra, vào, đi lại, điều khiển phương tiện, tiến hành các hoạt động không đúng quy định trong khu vực hạn chế hoạt động;

c) Sau 24 giờ không thông báo bằng văn bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công an cấp xã, đồn Biên phòng sở tại về họ tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày bắt đầu, ngày kết thúc làm việc, nội dung công việc, nơi làm việc, tên và địa chỉ của cơ quan, tổ chức người nước ngoài làm việc khi sử dụng người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế trong khu vực biên giới biển hoặc có một phần địa giới thuộc khu vực biên giới biển;

d) Quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ cảnh vật, ghi hình trái phép bằng các thiết bị điện tử, thu phát vô tuyến điện ở khu vực có biển cấm nằm trong khu vực biên giới biển.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện đường thủy hoạt động trong khu vực biên giới biển có một trong những hành vi sau:

a) Điều khiển tàu thuyền, phương tiện đường thủy nội địa không có biển số đăng ký hoặc tạo số đăng ký không đúng quy định;

b) Không mang theo các loại giấy tờ (bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực) sau: Giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền; giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu thuyền theo quy định; danh sách thuyền viên hoặc sổ danh bạ thuyền viên (đối với tàu cá), hoặc chứng chỉ thuyền viên; giấy chứng nhận bảo hiểm thuyền viên; giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện; giấy tờ liên quan đến hàng hoá trên tàu thuyền; sổ nhật ký hành trình.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phương tiện đường thủy hoạt động trong khu vực biên giới biển không đúng mục đích.

5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành việc kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền đối với phương tiện trong các trường hợp pháp luật quy định; không chấp hành các quyết định theo thủ tục hành chính.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Đưa phương tiện đường bộ vào khu vực biên giới biển (trừ khu du lịch, dịch vụ, khu kinh tế) hoạt động vận tải, sản xuất, kinh doanh, xây dựng, khai thác khoáng sản, tài nguyên, môi trường từ 10 ngày trở lên mà không thông báo bằng văn bản cho Bộ đội Biên phòng sở tại về số lượng người, phương tiện, biển kiểm soát, thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động;

b) Người điều khiển phương tiện đường thủy hoạt động trong khu vực biên giới biển không có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn phù hợp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện đường thủy hoạt động trong khu vực biên giới biển không có văn bằng hoặc chứng chỉ theo quy định.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển phương tiện hàng không khi tiến hành hoạt động hàng không dân dụng, kinh tế, thương mại, du lịch, khảo sát, thăm dò, khai thác khoáng sản, tài nguyên, môi trường trong khu vực biên giới biển không thực hiện đúng quy định pháp luật về hàng không Việt Nam và quy định về quản lý, bảo vệ vùng trời quốc gia.

8. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Không sử dụng các biện pháp ngăn ngừa và hạn chế tối đa thiệt hại khi vận chuyển, bốc, dỡ các loại hàng hóa, thiết bị có khả năng gây hại đối với tài nguyên, sức khỏe con người và ô nhiễm môi trường biển trong vùng nước nội thủy, lãnh hải;

b) Sử dụng vật liệu nổ không có kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có kế hoạch nhưng không thông báo cho Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh sở tại theo quy định;

c) Thăm dò, khai thác hải sản, nghiên cứu khoa học, khai thác tài nguyên do các bộ, ngành chủ quản cấp phép nhưng không thông báo cho Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh sở tại;

d) Khai thác, trục vớt tài sản, đồ vật, cỗ vật trong vùng nước nội thủy, lãnh hải khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

9. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền vị trí, kích thước, hình dạng, độ sâu thiết bị, công trình trên biển hoặc không đặt các tín hiệu, báo hiệu hàng hải và cảnh báo nguy hiểm thích hợp đối với thiết bị, công trình trong vùng nước nội thủy, lãnh hải.

10. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Không tháo dỡ thiết bị, công trình trên biển khi hết hạn sử dụng;

b) Tàu thuyền nước ngoài đi vào nội thủy Việt Nam không xin phép cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

11. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Sử dụng thiết bị thu phát vô tuyến điện ở khu vực hạn chế hoạt động, vùng cấm nằm trong khu vực biên giới biển;

b) Bắn, phóng, thả, điều khiển các phương tiện, vật thể gây hại cho an ninh, trật tự, kinh tế, an toàn, an ninh hàng hải;

c) Sử dụng phương tiện đường thủy cập mạn tàu thuyền nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền trong vùng nước nội thủy, lãnh hải.

12. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2; điểm d khoản 8; điểm a, điểm b khoản 11 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2; điểm a khoản 3; khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép vận tải, kinh doanh, xây dựng, khai thác khoáng sản, tài nguyên, môi trường, khai thác hải sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 6; điểm c khoản 8 Điều này;

d) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1; điểm a, điểm d khoản 2; khoản 7; điểm b khoản 10; khoản 11 Điều này.

13. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc rời khỏi khu vực biên giới biển đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2; khoản 5; điểm a khoản 6; điểm b khoản 10; điểm a, điểm b khoản 11 Điều này;

b) Buộc tháo dỡ thiết bị, công trình đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 10 Điều này.

### **Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Thuyền viên nước ngoài khi đi bờ không xuất trình giấy phép đi bờ, giấy phép cấp cho thuyền viên nước ngoài nghỉ qua đêm trên bờ; đi bờ quá thời gian quy định ghi trong giấy phép đi bờ;

b) Người Việt Nam, người nước ngoài xuống tàu thuyền nước ngoài, người nước ngoài xuống tàu thuyền Việt Nam không xuất trình giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp khi xuống tàu hoặc không chấp hành các quy định ghi trong giấy phép.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thuyền viên nước ngoài đi bờ không có giấy phép đi bờ, đi bờ ngoài phạm vi quy định ghi trong giấy phép đi bờ;

b) Người Việt Nam, người nước ngoài xuống tàu thuyền nước ngoài, người nước ngoài xuống tàu thuyền Việt Nam không có giấy phép xuống tàu; điều khiển phương tiện cập mạn tàu thuyền nước ngoài không có giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp cho người điều khiển phương tiện cập mạn tàu nước ngoài;

c) Cho người khác sử dụng giấy phép đi bờ hoặc giấy phép xuống tàu; sử dụng giấy phép đi bờ hoặc giấy phép xuống tàu của người khác;

d) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đón tiếp người nước ngoài vào khu vực cửa khẩu cảng mà không thông báo cho Biên phòng cửa khẩu cảng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Không chấp hành hoặc cản trở việc kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng;

b) Người đi trên tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa không có tên trong danh sách thuyền viên, danh sách hành khách đã khai báo, đăng ký khi đến, rời cửa khẩu cảng;

c) Không giữ đúng trạng thái niêm phong đối với hồ sơ biên phòng khi tàu thuyền quá cảnh, chuyển cảng;

d) Thuyền viên, hành khách nước ngoài trở lại tàu thuyền sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh và rời tàu, từ tàu thuyền nước ngoài trở lại nội địa khi đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh nhưng không thông báo cho Biên phòng cửa khẩu cảng.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Gây mất an ninh, trật tự hoặc lôi kéo, kích động, xúi giục, giúp người khác gây mất an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng;

b) Thuyền viên, hành khách tự ý rời khỏi tàu thuyền khi chưa hoàn thành thủ tục nhập cảnh hoặc đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh;

c) Hành khách nước ngoài quá cảnh không làm thủ tục nhập cảnh khi rời khỏi khu vực quá cảnh tại cửa khẩu cảng;

d) Đưa tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới vào hoạt động tại khu vực cửa khẩu cảng thuộc lĩnh vực quy định phải được cấp phép nhưng không có giấy phép;

đ) Thuyền trưởng tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa, phương tiện thủy nội địa đến, rời cửa khẩu cảng không cung cấp cho Biên phòng cửa khẩu cảng thông tin về phương tiện, hàng hóa, các thông tin liên quan đến an ninh, trật tự khi có yêu cầu;

e) Chủ phương tiện, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền đăng ký phương tiện thủy nội địa đến, đi với Biên phòng cửa khẩu cảng chậm thời gian theo quy định.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Không chấp hành quyết định kiểm tra, giám sát biên phòng đối với người, tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng, tàu thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa, phương tiện thủy nội địa, các phương tiện khác của Việt Nam và nước ngoài ra, vào, hoạt động tại cửa khẩu cảng trong các trường hợp pháp luật quy định;

b) Đưa hàng hóa trái phép lên tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa hoặc từ tàu thuyền, phương tiện đường thủy xuống trong khu vực cửa khẩu cảng;

c) Không giữ đúng trạng thái niêm phong đối với vũ khí, vật liệu nổ và hàng hóa khi tàu thuyền quá cảnh, chuyển cảng;

d) Có sự thay đổi về thuyền viên, hành khách sau khi đã hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu thuyền nhưng người làm thủ tục không khai báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng điện tử;

đ) Người làm thủ tục khai báo không đầy đủ, không chính xác các thông tin theo quy định của pháp luật về thủ tục biên phòng điện tử cảng biển sau thời hạn được phép sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng điện tử;

e) Không khai báo thông tin về vũ khí, vật liệu nổ, người trốn trên tàu (nếu có) theo quy định;

g) Người làm thủ tục không đề nghị Biên phòng cửa khẩu cảng hủy hồ sơ thủ tục biên phòng điện tử theo quy định đối với tàu thuyền đã hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử nhưng thay đổi kế hoạch đến, rời cửa khẩu cảng.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Chủ phương tiện, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền không đăng ký phương tiện thủy nội địa đến, đi với Biên phòng cửa khẩu cảng theo quy định;

b) Thuyền trưởng hoặc người có trách nhiệm trên tàu thuyền không áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần thiết và thông báo cho Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khi phát hiện có người trốn trên tàu;

c) Thuyền trưởng hoặc người có trách nhiệm cho thuyền viên, hành khách rời tàu thuyền, những người không có trách nhiệm xuống tàu thuyền trước khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh hoặc sau khi đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh;

d) Chủ phương tiện, thuyền trưởng để phương tiện thủy neo đậu tại vùng nước cảng quá 24 giờ mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền khi đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

b) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu cảng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2; điểm a, điểm b khoản 3; điểm a, điểm d khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại giấy phép đi bờ, giấy phép xuống tàu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

**Điều 10. Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ công trình biên giới, biển báo trong khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, cửa khẩu cảng**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vẽ, viết thêm, tẩy xóa chữ trên các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực cửa khẩu”, “khu vực biên giới biển” và các biển báo về khu vực biên giới, cửa khẩu biên giới đất liền, cửa khẩu cảng, công trình biên giới.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi làm hư hỏng các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực biên giới biển”, “khu vực cửa khẩu” và các biển báo khác trong khu vực biên giới, cửa khẩu.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm xê dịch, tháo dỡ, phá hủy các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”,

“khu vực biên giới biển”, “khu vực cửa khẩu” và các biển báo khác trong khu vực biên giới, cửa khẩu.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tự ý cắm các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực biên giới biển”, “khu vực cửa khẩu” trong khu vực biên giới, cửa khẩu.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, lắp đặt trái phép các công trình, thiết bị hoặc có hành vi gây tổn hại đến sự an toàn của công trình biên giới.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi phá, dỡ hoặc làm hư hỏng kết cấu, thiết bị của công trình biên giới mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi làm giả các biển báo, “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực biên giới biển”, “khu vực cửa khẩu” trong khu vực biên giới, cửa khẩu.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này;

b) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc buộc chịu trách nhiệm chi phí để khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này.

### **Điều 11. Hành vi vi phạm các quy định về xây dựng các dự án, công trình trong khu vực biên giới, cửa khẩu**

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo bằng văn bản trước 03 ngày làm việc cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đồn Biên phòng sở tại về danh sách người, phương tiện, thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động khi khảo sát, thiết kế, thi công, triển khai thực hiện các dự án, công trình trong khu vực biên giới, cửa khẩu;

b) Khi triển khai thực hiện các dự án, công trình đã được cấp phép trong khu vực biên giới, cửa khẩu nhưng chủ đầu tư không thông báo bằng văn bản cho Bộ đội Biên phòng, Công an cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sở tại trước 03 ngày làm việc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng dự án, công trình có yếu tố nước ngoài trong khu vực biên giới, cửa khẩu nhưng chủ đầu tư không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, đồn Biên phòng sở tại.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Khảo sát, thiết kế, thi công, triển khai thực hiện các dự án, công trình; xây dựng dự án, công trình có yếu tố nước ngoài trong khu vực biên giới, cửa khẩu không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan khi thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch, đồ án có yếu tố nước ngoài trong khu vực biên giới, cửa khẩu.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều này không đúng địa điểm hoặc làm ảnh hưởng đến đường biên giới quốc gia, hư hại mốc quốc giới, cột cờ, bia chủ quyền, cọc dấu, điểm cơ sở, dấu hiệu đường biên giới, vật đánh dấu đường biên giới, công trình biên giới, công trình phòng thủ.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 Điều này;

c) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Buộc lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Buộc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu đối với mốc quốc giới, cột cờ, bia chủ quyền, cọc dấu, điểm cơ sở, dấu hiệu đường biên giới, vật đánh dấu đường biên giới, công trình biên giới, công trình phòng thủ vùng biển, môi trường biển, hải đảo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 12. Hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới ngoài khu vực cửa khẩu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị dưới 10.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;



b) Vận chuyển trái phép qua biên giới hàng hóa là văn hóa phẩm.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng?

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này, trừ trường hợp đã áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, môi trường và văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

### **Điều 13. Vi phạm các quy định về tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới**

1. Tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới mà tại thời điểm kiểm tra không có giấy tờ, không đầy đủ giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 5.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;

h) Phạt tiền gấp 02 lần mức tiền phạt quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản này nhưng không vượt quá mức phạt tối đa quy định tại Nghị định này trong trường hợp hàng hóa vi phạm là: Lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, thuốc phòng bệnh và thuốc chữa bệnh cho người, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm; chất tẩy rửa, diệt côn trùng, thuốc thú y, phân bón, xi măng, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng, giống cây trồng, giống vật nuôi; hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi xảy ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan sau:

a) Vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất không đúng tuyến đường, địa điểm, cửa khẩu, thời gian quy định hoặc đăng ký trong hồ sơ hàng hóa chưa được phép của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật;

b) Tự ý phá niêm phong hàng hóa;

c) Không bảo đảm nguyên trạng hàng hóa đang chịu sự giám sát hoặc hàng hóa được giao bảo quản theo quy định của pháp luật chờ hoàn thành thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Lưu giữ hàng hóa không đúng địa điểm quy định.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự ý tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp hàng hóa đã được xác định có nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp;

b) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hoặc không đủ điều kiện để xuất khẩu, nhập khẩu hoặc thuộc trường hợp phải có giấy phép mà không có giấy phép khi xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, môi trường và văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Buộc thực hiện việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất đúng cửa khẩu, tuyến đường quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm trong trường hợp tang vật vi phạm không còn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 14. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản xảy ra ở khu vực biên giới biển, hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng xảy ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu**

1. Đối với các hành vi vi phạm quy định về khu vực cấm khai thác thủy sản; điều kiện nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu, xuất khẩu thủy sản sống, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh đối với thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp; vi phạm quy định về khai thác thủy sản; tàu cá, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá xảy ra trong khu vực biên giới biển thì xử phạt theo Nghị định số

42/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

2. Đối với các hành vi qua biên giới khai thác, phá rừng trái pháp luật, vi phạm quy định về động vật rừng; vận chuyển qua biên giới; tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản có nguồn gốc bên kia biên giới trái pháp luật trong khu vực biên giới thì xử phạt theo Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

3. Đối với các hành vi mua bán, trao đổi, vận chuyển, tàng trữ trái phép qua biên giới quốc gia các chất gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, môi trường, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; gây mất vệ sinh công cộng, gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng xấu đến cảnh quan khu vực cửa khẩu thì xử phạt theo Điều 19, Điều 20, Điều 22 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Đối với các hành vi vi phạm quy định về khảo sát, lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch xây dựng; khởi công, thi công xây dựng công trình và trật tự xây dựng xảy ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu thì Bộ đội Biên phòng xử phạt theo Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 26 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

5. Trường hợp các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính được viện dẫn tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này được sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo Nghị định sửa đổi, bổ sung.

### **Chương III**

## **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**Điều 15. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

### **Điều 16. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng**

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng của người quy định tại khoản 1 Điều này, Trạm trưởng trạm kiểm soát Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đồn trưởng đồn Biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l, điểm m khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

### **Điều 17. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân**

Công an nhân dân có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông hoặc Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy thuộc Công an cấp tỉnh nơi có biên giới có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm e, điểm i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm e, điểm i khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Tư lệnh Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

### **Điều 19. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường**

Quản lý thị trường có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội quản lý thị trường cấp huyện trực thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

### **Điều 20. Thẩm quyền xử phạt của Hải quan**

Hải quan có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d, điểm đ, điểm h, điểm m khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d, điểm đ, điểm h, điểm m khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm d, điểm đ, điểm h, điểm m khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

## **Điều 21. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng hải**

Cảng vụ hàng hải có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;



d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Nghị định này.

### **Điều 22. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ đường thủy nội địa**

Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm l khoản 3 Nghị định này.

### **Điều 23. Thẩm quyền của Kiểm ngư**

Kiểm ngư có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi địa bàn quản lý của mình như sau:

1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Kiểm ngư có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

#### **Điều 24. Phân định thẩm quyền xử phạt**

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1; điểm b, điểm c khoản 2; điểm b khoản 3; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 5 Điều 6; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2; điểm c, điểm d khoản 3; điểm b, điểm c, điểm đ, điểm e khoản 4 Điều 9; khoản 1, khoản 2 Điều 10; khoản 1 Điều 12; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 13; Điều 14 Nghị định này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 6; Điều 7; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 8; Điều 9; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 11; khoản 1, khoản 2 Điều 12; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm d, điểm e khoản 1 Điều 13; Điều 14 Nghị định này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định này.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng:

a) Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6; điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

b) Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Bộ đội Biên phòng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 6; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 9; Điều 14 Nghị định này;

c) Đồn trưởng đồn Biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội Biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 6; khoản 1; điểm b, điểm c khoản 2; khoản 3; điểm b, điểm c, điểm d khoản 4; điểm b khoản 5 Điều 7; khoản 1; điểm a, điểm c, điểm d khoản 2; điểm b khoản 3; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6 Điều 8; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 9; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 1, khoản 2 Điều 12; điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 13; Điều 14 Nghị định này;

d) Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn Biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định này.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân:

a) Chiến sĩ Công an nhân dân xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6, điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

b) Trạm trưởng, Đội trưởng của chiến sĩ Công an nhân dân xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6; điểm c khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

c) Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 9; khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định này;

d) Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông hoặc Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ; Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy thuộc Công an cấp tỉnh nơi có biên giới xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 6; khoản 1, khoản

2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 7; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2; điểm a, điểm b khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 9; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 1, khoản 2 Điều 12; điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Nghị định này;

đ) Giám đốc Công an cấp tỉnh nơi có biên giới xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, điểm c khoản 7 Điều 6; Điều 7; khoản 1; khoản 2; khoản 3; khoản 4; khoản 5; khoản 6; khoản 7; điểm b, điểm c, điểm d khoản 8 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2; điểm a, điểm b khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a, điểm b khoản 5; điểm d khoản 6 Điều 9; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 11; khoản 1, khoản 2 Điều 12; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Nghị định này.

#### 4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển:

a) Cảnh sát viên Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

b) Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

c) Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8; khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

d) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 2; điểm b khoản 3; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b khoản 3; điểm d khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9; khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 3 Điều 14 Nghị định này;

đ) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 2; điểm b khoản 3; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6; khoản 7 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b khoản 3; điểm d khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9; khoản 1, khoản 2 Điều 12; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 13 và khoản 1, khoản 3 Điều 14 Nghị định này;

e) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 2; điểm b khoản 3; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6; khoản 7; điểm a, điểm b, điểm d khoản 8 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b khoản 3; điểm d khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9; khoản 1, khoản 2 Điều 12; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1; khoản 2 Điều 13; khoản 1, khoản 3 Điều 14 Nghị định này;

g) Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5; điểm b, điểm d khoản 2; khoản 3; khoản 4; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6; khoản 7; khoản 8; khoản 10; khoản 11 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b khoản 3; điểm d khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9; Điều 12; Điều 13; khoản 1, khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan:

a) Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này;

b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b, điểm c khoản 2; khoản 3; điểm b, điểm c, điểm d khoản 4; điểm b khoản 5 Điều 7; điểm a, điểm c khoản 3; điểm d khoản 4; điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 13 Nghị định này;

c) Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2; khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4; khoản 5 Điều 7; điểm a, điểm c khoản 3; điểm d khoản 4; điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9; khoản 1, khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

d) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2; khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 4; khoản 5 Điều 7; điểm a, điểm c khoản 3; điểm d khoản 4; điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9; khoản 1, khoản 3 Điều 13 Nghị định này.

6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường:

a) Đội trưởng Đội quản lý thị trường cấp huyện trực thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 7; khoản 5 Điều 8; điểm b khoản 5 Điều 9; khoản 1, khoản 2 Điều 12; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 7;

khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 8; điểm b khoản 5 Điều 9; Điều 12; Điều 13 Nghị định này;

c) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 7; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 8; điểm b khoản 5 Điều 9; Điều 12; Điều 13 Nghị định này.

7. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảng vụ hàng hải:

a) Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 3; điểm b, điểm c khoản 6; điểm a, điểm d khoản 8 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2; điểm c, điểm d khoản 3; điểm b, điểm c, điểm đ, điểm e khoản 4; điểm b, điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 9 Nghị định này;

b) Giám đốc Cảng vụ hàng hải xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3; khoản 4; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6; điểm a, điểm d khoản 8 Điều 8; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 9 Nghị định này.

8. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảng vụ đường thủy nội địa:

a) Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 3; điểm b, điểm c khoản 6; điểm a, điểm d khoản 8 Điều 8; khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2; điểm c, điểm d khoản 3; điểm b, điểm c, điểm đ, điểm e khoản 4; điểm b, điểm d, điểm đ khoản 5 Điều 9 Nghị định này;

b) Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3; khoản 4; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6; điểm a, điểm d khoản 8 Điều 8; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 9 Nghị định này.

9. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Kiểm ngư:

a) Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư vùng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 3; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6 Điều 8; điểm b khoản 3 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Nghị định này;

b) Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 3; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6; khoản 9 Điều 8; điểm b khoản 3 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Nghị định này;

c) Cục trưởng Cục Kiểm ngư xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2; khoản 3; khoản 4; khoản 5; điểm b, điểm c khoản 6; điểm c khoản 8; khoản 9 Điều 8; điểm b khoản 3 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

## **Điều 25. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**

1. Khi thi hành công vụ, nhiệm vụ những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ trong các cơ quan được quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do người, cơ quan có thẩm quyền ban hành có quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

3. Thuyền trưởng tàu tuần tra thuộc Hải đoàn Biên phòng, Hải đội Biên phòng, Hải đoàn Cảnh sát biển, Hải đội Cảnh sát biển, Thủy đoàn thuộc Công an nhân dân, Chi cục Kiểm ngư vùng và những người được thuyền trưởng tàu tuần tra thuộc Hải đoàn Biên phòng, Hải đội Biên phòng, Hải đoàn Cảnh sát biển, Hải đội Cảnh sát biển, Thủy đoàn thuộc Công an nhân dân, Chi cục Kiểm ngư vùng giao nhiệm vụ lập biên bản có quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

4. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia nhưng không có thẩm quyền xử phạt quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản. Trường hợp vụ việc vi phạm vừa có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, vừa có hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì người đó vẫn tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tất cả các hành vi vi phạm và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2020 và thay thế Nghị định số 169/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

## **Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 169/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

## **Điều 28. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn điểm a khoản 1; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 5; khoản 1; điểm b khoản 2; điểm a khoản 3; điểm c, điểm e khoản 5; khoản 9 Điều 6; khoản 1 Điều 7; khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 10; Điều 14; Điều 16; Điều 18; kiểm tra và tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Xuân Phúc**



# **Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia**

**Minh Vũ**

Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11/11/2020, có hiệu lực 01/01/2022. Luật có 6 chương với 36 điều, quy định chính sách, nguyên tắc, nhiệm vụ, hoạt động, lực lượng, bảo đảm và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân về biên phòng.

Hoạt động biên phòng có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều chủ thể khác nhau và được cụ thể hóa tại nhiều văn bản pháp luật hiện hành như: Luật Biên giới quốc gia, Luật An ninh quốc gia, Luật Cảnh sát biển Việt Nam, Luật Công an nhân dân... nên điều khoản về phạm vi điều chỉnh của Luật Biên phòng Việt Nam đã được hoàn thiện sau khi rà soát, đánh giá tổng thể các quy định, tránh sự chồng chéo giữa các điều khoản nhằm đáp ứng sự đồng bộ của hệ thống pháp luật. Luật cũng đưa ra định nghĩa về “Biên phòng”, theo đó, “Biên phòng là tổng thể các hoạt động, biện pháp bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc”. Khái niệm này là vấn đề cơ bản quyết định đến kết cấu, nội dung, bố cục của luật.

Chính sách của Nhà nước về biên phòng hướng đến mục tiêu thể chế đầy đủ đường lối đối nội, đối ngoại, quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về bảo vệ biên giới quốc gia, đồng thời ghi nhận những chính sách lớn nhằm xây dựng, huy động tiềm lực mọi mặt của quốc gia, tăng cường quốc phòng, an ninh để bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, làm cơ sở để xây dựng những chính sách cụ thể. Theo đó, Điều 3 Luật BPVN đã đưa ra 07 chính sách của Nhà nước về biên phòng, trong đó cần lưu ý đến Khoản 5 với sự bổ sung chính sách đặc thù phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đối ngoại ở khu vực biên giới. Ngoài ra, Luật cũng bổ sung Khoản 7 về “Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân ủng hộ vật chất, tài chính, tinh thần cho thực hiện nhiệm vụ biên phòng trên nguyên tắc tự nguyện, không trái với pháp luật Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế” cho phù hợp với chính sách của Nhà nước về quốc phòng quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Quốc phòng.

Luật nêu rõ, Bộ đội Biên phòng có 12 nhiệm vụ, như: Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình để thực hiện nhiệm vụ và đề xuất với Bộ Quốc phòng, Đảng, Nhà nước ban hành, chỉ đạo thực hiện chính sách, pháp luật về biên phòng. Tham mưu cho Bộ Quốc phòng về công tác quản lý, bảo vệ biên giới

quốc gia, duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu và xây dựng lực lượng Bộ đội Biên phòng. Thực hiện quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, hệ thống mốc quốc giới, vật đánh dấu, dấu hiệu đường biên giới, công trình biên giới, cửa khẩu; tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật về biên phòng. Duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với phương thức, thủ đoạn hoạt động của thế lực thù địch, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật. Tham gia phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới...

Về nhiệm vụ biên phòng và nguyên tắc thực thi: Hiện nay, hoạt động trên biên giới, khu vực biên giới, cửa khẩu có nhiều chủ thể thuộc nhiều bộ, ngành Trung ương như chính quyền địa phương, Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Cảng vụ, Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm dịch, Kiểm ngư, Quản lý thị trường... tham gia vào xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và khu vực biên giới. Bởi nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này đang được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành nên Luật Biên phòng Việt Nam chỉ quy định các nhiệm vụ chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực thi nhiệm vụ biên phòng mà không quy định cụ thể cho từng lực lượng. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân này có nghĩa vụ thực thi nhiệm vụ biên phòng dựa trên những nguyên tắc sau: (i) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biên giới quốc gia của các nước; (ii) Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước; (iii) Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, hệ thống chính trị, dựa vào Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; (iv) Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; kết hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đối ngoại ở khu vực biên giới.

Các hình thức quản lý, bảo vệ biên giới và thẩm quyền quyết định chuyển đổi các hình thức này được quy định tại Điều 19, bao gồm:

Quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên được áp dụng trong trường hợp tình hình chủ quyền, lãnh thổ, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới ổn định;

Quản lý, bảo vệ biên giới tăng cường được áp dụng khi có sự kiện quan trọng diễn ra; tình hình an ninh diễn biến bất ổn; xảy ra thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ ở khu vực biên giới, cửa khẩu, hai bên biên giới; hoặc đang tiến hành hoạt động truy bắt tội phạm mà đối tượng phạm tội có thể vượt qua biên giới; khi lực lượng bảo

vệ biên giới nước có chung đường biên giới đề nghị. Tư lệnh Biên phòng quyết định chuyển hình thức quản lý, bảo vệ biên giới từ thường xuyên lên tăng cường, đồng thời báo cáo Bộ Quốc phòng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Quản lý, bảo vệ biên giới trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm, tình trạng chiến tranh, thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc phòng. Việc chuyển hình thức quản lý, bảo vệ biên giới trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm, tình trạng chiến tranh sẽ do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Luật chỉ quy định về trường hợp áp dụng hình thức quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên và tăng cường của bộ đội biên phòng, còn nội dung cụ thể về tổ chức thực hiện giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết là phù hợp với thẩm quyền, nhằm bảo đảm yếu tố bí mật về quân sự, tổ chức lực lượng, bảo đảm vũ khí và phương tiện của Bộ đội biên phòng....

Tại Điều 35 Luật Biên phòng Việt Nam đã sửa đổi, bổ sung Điều 21 của Luật Biên giới quốc gia, cụ thể: “ Trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, lý do đặc biệt khác hoặc theo đề nghị, thông báo của nước hữu quan, người, phương tiện, hàng hóa có thể bị hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biên giới quốc gia, kể cả việc đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Việc hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền thực hiện theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam. Thẩm quyền quyết định việc hạn chế hoặc tạm dừng quy định tại khoản 1 Điều này do Chính phủ quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Quyết định về việc hạn chế hoặc tạm dừng phải được thông báo cho chính quyền địa phương và nhà chức trách của nước hữu quan biết.”.

Sự ra đời của Luật Biên phòng Việt Nam sẽ góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới; hoàn thiện cơ chế chính sách để xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, phù hợp với thực tiễn và phù hợp với pháp luật quốc tế./.

# **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT BIÊN PHÒNG NĂM 2020**

**Ngọc Anh**

Ngày 02/3/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 286/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, xác định trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương nhằm bảo đảm triển khai thi hành Luật Biên phòng Việt Nam kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

Theo Kế hoạch, các Bộ, cơ quan liên quan và các địa phương sẽ tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách; điều ước quốc tế, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới phù hợp với Luật Biên phòng Việt Nam.

Đồng thời, xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Luật Biên phòng Việt Nam. Trong đó, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan liên quan trong tháng 9/2021 trình Chính phủ 2 Nghị định: Quy định chi tiết một số điều của Luật Biên phòng Việt Nam (quy định chi tiết khoản 4 Điều 10, khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 27); Quy định quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của bộ đội biên phòng (quy định chi tiết khoản 2 Điều 22).

Trong tháng 9/2021, Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân trong nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ở khu vực biên giới và Dự án Tăng cường lực lượng; nâng cao năng lực; sửa chữa, trang bị, nâng cấp phương tiện chuyên dụng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật của Bộ đội Biên phòng giai đoạn 2021 – 2025.

Ngoài ra, Bộ Quốc phòng phải hoàn thành xây dựng 2 thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong tháng 11/2021: Thông tư quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các lực lượng thuộc quyền trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới; phối hợp giữa Bộ đội Biên phòng và các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng trong thực thi nhiệm vụ biên phòng (quy định chi tiết khoản 4 Điều 10, khoản 2 Điều 29); Thông tư quy định hình thức quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên và hình thức quản lý, bảo vệ biên giới tăng cường của Bộ đội Biên phòng (quy định chi tiết khoản 3 Điều 19)/.

# **QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, BẢO VỆ BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

**Kim Chi**

Ngày 24/8/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. Nghị định này gồm 4 chương, 28 điều quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

Đối tượng áp dụng của Nghị định là tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lãnh thổ Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

## **Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia**

Theo đó, các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia bao gồm:

- Vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới.
- Vi phạm quy chế khu vực biên giới đất liền.
- Vi phạm quy chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.
- Vi phạm về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển.
- Vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng.
- Vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ công trình biên giới, biển báo trong khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, cửa khẩu cảng.
- Vi phạm các quy định về xây dựng các dự án, công trình trong khu vực biên giới, cửa khẩu.
- Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới ngoài khu vực cửa khẩu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Vi phạm các quy định về tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới.
- Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản xảy ra ở khu vực biên giới biển, hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng xảy ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu.

Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

- Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác, thăm dò tài nguyên, khoáng sản, hải sản, môi trường và giấy phép xây dựng, vận tải, kinh doanh từ 06 tháng đến 12 tháng; tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy phép kinh doanh lĩnh vực quốc tế và giấy phép hoạt động dịch vụ, thương mại tại cửa khẩu biên giới đất liền từ 03 tháng đến 06 tháng;

- Trục xuất.

### **Các biện pháp khắc phục hậu quả đối với tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia**

Nghị định số 96/2020/NĐ-CP cũng quy định chi tiết các biện pháp khắc phục hậu quả đối với tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia như sau:

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

- Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

- Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

- Buộc rời khỏi khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu;

- Buộc tiêu hủy giấy tờ tùy thân, giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới hết giá trị sử dụng;

- Buộc thực hiện việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyên cảng, chuyên khẩu, chuyên cửa khẩu, kinh doanh tạm nhập - tái xuất đúng cửa khẩu, tuyến đường quy định;

- Buộc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu đối với mốc quốc giới, cọc dấu, điểm cơ sở, bia chủ quyền, dấu hiệu đường biên giới, vật đánh dấu đường biên giới, công trình phòng thủ vùng biển, công trình biên giới, biển báo trong khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, cửa khẩu cảng;

- Buộc lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan;

- Buộc nộp lại giấy phép đi bờ, giấy phép xuống tàu;

- Tạm dừng thực hiện thủ tục xuất cảnh đối với phương tiện Việt Nam, tạm dừng thực hiện thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh đối với phương tiện nước ngoài.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2020 và thay thế Nghị định số 169/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia./.

# **QUY ĐỊNH XÁC ĐỊNH PHẠM VI VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI, VỊ TRÍ CẮM BIỂN BÁO KHU VỰC BIÊN GIỚI, VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI TRÊN TUYẾN BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN TỈNH LÀO CAI**

**Quỳnh Anh**

Ngày 04/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai. Một số nội dung cơ bản của Nghị quyết:

**Xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai có chiều sâu tính từ đường biên giới trở vào nội địa đoạn xa nhất là 400m, đoạn gần nhất là 100m, cụ thể:**

Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 400m (tính từ đường biên giới), gồm các xã, thị trấn: Tả Ngải Chồ, Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu (huyện Mường Khương); Nàn Sán, thị trấn Si Ma Cai (huyện Si Ma Cai).

Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 300m (tính từ đường biên giới), gồm các xã, thị trấn: Y Tý, A Lù (huyện Bát Xát); Lũng Vai, Nậm Cháy, Tung Chung Phó, thị trấn Mường Khương (huyện Mường Khương).

Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 200m (tính từ đường biên giới), gồm các xã, thị trấn: A Mú Sung, Nậm Chạc, Trịnh Tường, Cốc Mỳ, Bản Vược, Bản Qua, Quang Kim, thị trấn Bát Xát (huyện Bát Xát); Sán Chải (huyện Si Ma Cai).

Phạm vi vành đai biên giới có chiều sâu 100m (tính từ đường biên giới) gồm các xã, phường: Bản Phiệt (huyện Bảo Thắng); Bản Lầu (huyện Mường Khương); các phường Lào Cai, Cốc Lều, Duyên Hải (thành phố Lào Cai).

**Số lượng, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai và kinh phí thực hiện gồm:**

Biển báo “KHU VỰC BIÊN GIỚI” được cắm tại 50 vị trí để xác định khu vực biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai.

Biển báo “VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI” được cắm tại 82 vị trí để xác định phạm vi vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XV, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 94/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai./.



# **QUY ĐỊNH VỀ MỨC HỖ TRỢ NHÂN DÂN THAM GIA TUẦN TRA BẢO VỆ BIÊN GIỚI, THAM GIA PHÁT QUANG ĐƯỜNG TUẦN TRA BIÊN GIỚI, ĐƯỜNG LÊN MỐC QUỐC GIỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

**Hoàng Diệu**

Ngày 04/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Nghị quyết số 40/2020/NQ-HĐND quy định về mức hỗ trợ nhân dân tham gia tuần tra bảo vệ biên giới, tham gia phát quang đường tuần tra biên giới, đường lên mốc quốc giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Một số nội dung cơ bản của Nghị quyết:

**Đối tượng áp dụng:** Người dân tham gia tuần tra bảo vệ biên giới, phát quang đường tuần tra biên giới, đường lên mốc quốc giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhân dân tham gia tuần tra bảo vệ biên giới, tham gia phát quang đường tuần tra biên giới, đường lên mốc quốc giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

## **Về mức hỗ trợ nhân dân tham gia tuần tra bảo vệ biên giới, tham gia phát quang đường tuần tra biên giới, đường lên mốc quốc giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Hỗ trợ nhân dân tham gia tuần tra bảo vệ biên giới đáp ứng các điều kiện: Là thành viên Tổ Tự quản đường biên, mốc giới hoặc Tổ Tự quản an ninh trật tự do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố biên giới quyết định thành lập; được Đoàn Biên phòng sở tại huy động tham gia tuần tra bảo vệ biên giới. Mức hỗ trợ: 130.000 đồng/ngày. Đảm bảo huy động 54 ngày/km/năm.

Hỗ trợ nhân dân tham gia phát quang đường tuần tra biên giới, đường lên mốc quốc giới đáp ứng các điều kiện: Là công dân có hộ khẩu thường trú tại các xã, phường, thị trấn biên giới; được Đoàn Biên phòng sở tại huy động tham gia phát quang đường tuần tra biên giới, đường lên mốc quốc giới; thực hiện phát quang (phát băng) 53m<sup>2</sup>/01 ngày; thực hiện phát quang tối đa 2 lần/năm. Mức hỗ trợ: 200.000 đồng/ngày.

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí An ninh - Quốc phòng địa phương. Tổng mức chiều dài đường tuần tra biên giới và phát quang là: 215,5 km, đường lên mốc quốc giới là 239 km.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá XV, kỳ họp thứ 16, thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Nghị quyết số 93/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về chính sách hỗ trợ nhân dân tham gia tuần tra bảo vệ biên giới; hỗ trợ nhân công phát quang đường tuần tra biên giới, đường lên mốc quốc giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực./.

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>A. LUẬT BIÊN GIỚI QUỐC GIA VÀ MỘT SỐ NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ LIÊN QUAN ĐẾN BIÊN GIỚI QUỐC GIA</b>	
1. Luật Biên giới quốc gia	
2. Nghị định số 140/2004/NĐ-CP ngày 25/6/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia	
3. Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền	
4. Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/04/2014 về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	
5. Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia	
<b>B. MỘT SỐ BÀI VIẾT</b>	
1. Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia	
2. Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Biên phòng năm 2020	
3. Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia	
4. Quy định xác định phạm vi vành đai biên giới, vị trí cắm biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới trên tuyến biên giới đất liền tỉnh Lào Cai	
5. Quy định về mức hỗ trợ nhân dân tham gia tuần tra bảo vệ biên giới, tham gia phát quang đường tuần tra biên giới, đường lên mốc quốc giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai	

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*  
Lê Ngọc Quỳnh – Giám đốc Sở Tư pháp

*Chịu trách nhiệm nội dung:*  
Hoàng Văn Tuấn  
Phó Giám đốc Sở Tư pháp Lào Cai

*Biên tập:*  
Đặng Thị Thoa  
Nguyễn Lê Hằng

*Trình bày:*  
Hoàng Khánh Linh

*Sửa bản in:*  
Trần Lan Hương  
Hoàng Khánh Linh

\*\*\*\*\*

In 500 cuốn, Khổ 19 x 27 cm, tại Công ty TNHH In thương mại Đức Anh, ĐT: (0214) 3..... Giấy phép Xuất bản tài liệu số ...../GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai cấp ngày ..... tháng ..... năm 2021.

In xong và nộp lưu chiểu tháng .../....